BAOVIET Holdings

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Số: 715/2026/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc: Thông qua các nội dung cập nhật, bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và sửa đổi bổ sung Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt (sửa đổi, bổ sung lần thứ 16)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tập đoàn Bảo Việt

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Luật Quản lý, đầu tư và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp (Luật số 68/2025/QH15);

Căn cứ Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg đã quy định về việc ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

Căn cứ các văn bản pháp luật khác có liên quan;

Ngày 14 tháng 6 năm 2025, Quốc hội đã thông qua Luật Quản lý, đầu tư và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp (Luật số 68/2025/QH15). Theo Điều 2 của Luật, đối tượng áp dụng bao gồm "Doanh nghiệp nhà nước theo quy định của Luật Doanh nghiệp". Tập đoàn Bảo Việt là doanh nghiệp nhà nước theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật số 68/2025/QH15.

Khoản 1 Điều 59, Luật số 68/2025/QH15 quy định: "*Kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ có trách nhiệm rà soát, ban hành hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành điều lệ được sửa đổi, bổ sung; quy chế tài chính; quy chế nội bộ của doanh nghiệp bảo đảm phù hợp với quy định của Luật này; việc ban hành phải hoàn thành* ***trước ngày 31 tháng 12 năm 2026***.

Như vậy việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Tập đoàn là cần thiết nhằm bảo đảm phù hợp với tinh thần của Luật số 68/2025/QH15, các văn bản khác có liên quan và yêu cầu quản trị, điều hành của Tập đoàn, trong đó tập trung vào các nhóm nội dung chính sau:

- Bổ sung các điều khoản liên quan đến quản lý vốn nhà nước để đảm bảo phù hợp với các quy định của Luật số 68/2025/QH15 do Tập đoàn Bảo Việt là doanh nghiệp nhà nước;

- Sửa đổi quy định liên quan đến việc phân phối lợi nhuận của Tập đoàn;

- Sửa đổi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị trên cơ sở phù hợp với Điều 27 Luật số 68/2025/QH15, theo đó, mốc "10% tổng tài sản" được thay bằng mốc "50% vốn chủ sở hữu";

- Cập nhật, bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Tập đoàn đảm bảo phù hợp với Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg đã quy định về việc ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

- Các nội dung sửa đổi, bổ sung khác (được trình bày cụ thể tại Phụ lục đính kèm).

Trên cơ sở các nội dung nêu trên, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tập đoàn Bảo Việt xem xét và thông qua nội dung như sau:

1. Các nội dung cập nhật, bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt theo *Phụ lục 1. Bảng tổng hợp nội dung cập nhật, bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt* đính kèm Tờ trình này.

2. Các nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung Điều lệ Tập đoàn lần thứ 16 theo *Phụ lục 2. Bảng tổng hợp các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt lần thứ 16* đính kèm Tờ trình này.

3. Chi tiết Dự thảo Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt (bản sửa đổi, bổ sung lần thứ 16) đính kèm Tờ trình này.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng kính trình./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Q. CHỦ TỊCH

Nguyễn Thừa Nhật

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- TGĐ;
- Lưu: VT, VP.

PHỤ LỤC 1. BẢNG CẬP NHẬT, BỔ SUNG NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

(Kèm theo Tờ trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 số 715/2026/TTr-HĐQT ngày 05 / 06/2026 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn về việc thông qua các nội dung cập nhật, bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và sửa đổi bổ sung Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt (sửa đổi, bổ sung lần thứ 16))

Nguyên tắc trình bày: Trong Bảng tổng hợp sửa đổi, bổ sung này này, những nội dung bổ sung là những nội dung được in đậm, in nghiêng (***aaa***); những nội dung lược bỏ là những nội dung được in đậm, gạch ngang (~~aaa~~).

	Ngành, nghề kinh doanh hiện hành		**Ngành, nghề kinh doanh cập nhật, bổ sung**		**Cơ sở để cập nhật, bổ sung**
STT	**Mã ngành nghề**	**Tên ngành nghề kinh doanh**	**Mã ngành nghề**	**Tên ngành nghề kinh doanh**	
1	6499	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) Chi tiết: - Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết, kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật;	6499	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm ***và hoạt động quỹ hưu trí*** ~~**bảo hiểm xã hội**~~) Chi tiết: - Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết, kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật;	Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam *(Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)*
2	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	Giữ nguyên mã và tên ngành nghề.		Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam

	Ngành, nghề kinh doanh hiện hành		Ngành, nghề kinh doanh cập nhật, bổ sung		Cơ sở để cập nhật, bổ sung
STT	**Mã ngành nghề**	**Tên ngành nghề kinh doanh**	**Mã ngành nghề**	**Tên ngành nghề kinh doanh**	
		Chi tiết: - Hoạt động kinh doanh bất động sản (trừ việc đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng); (Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có trách nhiệm thực hiện hoạt động kinh doanh theo đúng các quy định trong điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia)			*(Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)*
3	6201	Lập trình máy vi tính	***6219***	Lập trình ***máy ~~vi~~ tính khác*** ***Chi tiết:*** ***- Hoạt động thiết kế cấu trúc và nội dung; viết, sửa (bao gồm các bản cập nhật và bản vá lỗi phần mềm), tùy chỉnh, thử nghiệm và hỗ trợ mã hóa máy tính cần thiết để tạo và triển khai: phần mềm hệ thống; phần mềm kinh doanh, phần mềm tài chính và ứng dụng phần mềm khác (trừ ứng dụng trò chơi điện tử); ứng dụng máy học; ứng dụng trí tuệ***	Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam *(Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)*

	Ngành, nghề kinh doanh hiện hành		Ngành, nghề kinh doanh cập nhật, bổ sung		Cơ sở để cập nhật, bổ sung
STT	**Mã ngành nghề**	**Tên ngành nghề kinh doanh**	**Mã ngành nghề**	**Tên ngành nghề kinh doanh**	
				nhân tạo/thị giác máy; ứng dụng an ninh mạng; ứng dụng sổ cái phân tán; cơ sở dữ liệu; các trang web.	
4	6202	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	***6220***	Tư vấn máy tính và ~~**quản trị hệ thống máy vi tính**~~ ***quản lý cơ sở hạ tầng máy tính***	Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam *(Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)*
5	6311	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	***6310***	***Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin***, xử lý dữ liệu, ~~**cho thuê**~~ ***lưu trữ*** và các hoạt động liên quan ***(Trừ hoạt động báo chí)***	Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam *(Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm*

	Ngành, nghề kinh doanh hiện hành		Ngành, nghề kinh doanh cập nhật, bổ sung		Cơ sở để cập nhật, bổ sung
STT	**Mã ngành nghề**	**Tên ngành nghề kinh doanh**	**Mã ngành nghề**	**Tên ngành nghề kinh doanh**	
					2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)
6	6312	Cổng thông tin	***6390***	~~***Cổng thông tin.***~~ ***Hoạt động cổng tìm kiếm web và các dịch vụ thông tin khác*** ***Chi tiết:*** ***- Hoạt động cổng tìm kiếm web*** ***- Dịch vụ thông tin qua điện thoại;*** ***- Dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hoặc trên cơ sở phí;*** ***- Biên soạn thông tin hoặc danh bạ qua hợp đồng hoặc trên cơ sở phí.*** ***(Trừ hoạt động báo chí)***	Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam *(Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)*

	Ngành, nghề kinh doanh hiện hành		Ngành, nghề kinh doanh cập nhật, bổ sung		Cơ sở để cập nhật, bổ sung
STT	**Mã ngành nghề**	**Tên ngành nghề kinh doanh**	**Mã ngành nghề**	**Tên ngành nghề kinh doanh**	
7	6209	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm; Dịch vụ tư vấn công nghệ thông tin; Dịch vụ tư vấn an toàn thông tin mạng; Dịch vụ giám sát an toàn thông tin mạng; Dịch vụ ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng; Dịch vụ khôi phục dữ liệu; Dịch vụ phòng ngừa, chống tấn công mạng; Dịch vụ tích hợp hệ thống, công nghệ thông tin; Dịch vụ lưu trữ thông tin; Dịch vụ quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá), thương mại trực tuyến, kinh doanh thương mại điện tử; Dịch vụ xử lý dữ liệu và các hoạt động liên quan đến cơ sở dữ liệu; xây dựng cơ sở dữ liệu, liên kết xuất bản sách điện tử, lưu trữ dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu và các hoạt động khác liên quan đến cơ sở dữ liệu; Cung cấp các giải pháp thông tin trực tuyến, kinh doanh thương mại điện tử, đấu giá trên	***6290***	Hoạt động dịch vụ ***máy tính và*** công nghệ thông tin ***khác*** ~~**và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính**~~ Chi tiết: ***- Khắc phục các sự cố máy tính và cài đặt máy tính cá nhân, cài đặt phần mềm.*** ***- Hoạt động công nghiệp công nghệ số;*** ~~**Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm; Dịch vụ tư vấn công nghệ thông tin; Dịch vụ tư vấn an toàn thông tin mạng; Dịch vụ giám sát an toàn thông tin mạng; Dịch vụ ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng; Dịch vụ khôi phục dữ liệu; Dịch vụ phòng ngừa, chống tấn công mạng; Dịch vụ tích hợp hệ thống, công nghệ thông tin; Dịch vụ lưu trữ**~~	Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam *(Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)* Điều 13 của Luật Công nghiệp công nghệ số năm 2025 Điều 4 Nghị định 353/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số.

	Ngành, nghề kinh doanh hiện hành		Ngành, nghề kinh doanh cập nhật, bổ sung		Cơ sở để cập nhật, bổ sung
STT	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh	
		Internet; Cung cấp dịch vụ phần mềm và nội dung: tư vấn phần mềm, tích hợp, cung cấp hệ thống, dịch vụ chuyên nghiệp và phần mềm, dịch vụ huấn luyện và đào tạo công nghệ thông tin (chỉ hoạt động sau khi cơ quan có thẩm quyền cho phép); Thiết kế và phát triển hệ thống thông tin quản trị, hệ thống công nghệ thông tin; Triển khai và hỗ trợ hệ thống thông tin quản trị, hệ thống công nghệ thông tin.		~~thông tin; Dịch vụ quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá), thương mại trực tuyến, kinh doanh thương mại điện tử; Dịch vụ xử lý dữ liệu và các hoạt động liên quan đến cơ sở dữ liệu; xây dựng cơ sở dữ liệu, liên kết xuất bản sách điện tử, lưu trữ dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu và các hoạt động khác liên quan đến cơ sở dữ liệu; Cung cấp các giải pháp thông tin trực tuyến, kinh doanh thương mại điện tử, đấu giá trên Internet; Cung cấp dịch vụ phần mềm và nội dung: tư vấn phần mềm, tích hợp, cung cấp hệ thống, dịch vụ chuyên nghiệp và phần mềm, dịch vụ huấn luyện và đào tạo công nghệ thông tin (chỉ hoạt động sau khi cơ quan có thẩm quyền cho phép); Thiết kế và phát~~	

	Ngành, nghề kinh doanh hiện hành		Ngành, nghề kinh doanh cập nhật, bổ sung		Cơ sở để cập nhật, bổ sung
STT	**Mã ngành nghề**	**Tên ngành nghề kinh doanh**	**Mã ngành nghề**	**Tên ngành nghề kinh doanh**	
				~~**triển hệ thống thông tin quản trị, hệ thống công nghệ thông tin; Triển khai và hỗ trợ hệ thống thông tin quản trị, hệ thống công nghệ thông tin.**~~	
8	9511	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	***9510***	Sửa chữa, ***bảo dưỡng máy tính*** ~~**máy vi tính**~~, thiết bị ***thông tin và truyền thông*** ~~**ngoại vi**~~	Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam *(Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)*
9	1820	Sao chép bản ghi các loại	Giữ nguyên mã và tên ngành nghề		Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam *(Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg*

	Ngành, nghề kinh doanh hiện hành		Ngành, nghề kinh doanh cập nhật, bổ sung		Cơ sở để cập nhật, bổ sung
STT	**Mã ngành nghề**	**Tên ngành nghề kinh doanh**	**Mã ngành nghề**	**Tên ngành nghề kinh doanh**	
					ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)
10	8560	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	***8569***	~~**Dịch vụ**~~ ***Hoạt động*** hỗ trợ giáo dục ***khác*** ***Chi tiết:*** ***- Tư vấn giáo dục;*** ***- Hoạt động đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục;*** ***- Hoạt động đánh giá việc kiểm tra giáo dục;*** ***- Hoạt động khảo thí trong giáo dục;*** ***- Tổ chức các chương trình trao đổi học sinh;*** ***- Phát triển chương trình giảng dạy;***	Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam *(Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)* Điều 115 Nghị định 125/2024/NĐ-CP quy định về điều kiện đầu tư và hoạt

	Ngành, nghề kinh doanh hiện hành		Ngành, nghề kinh doanh cập nhật, bổ sung		Cơ sở để cập nhật, bổ sung
STT	**Mã ngành nghề**	**Tên ngành nghề kinh doanh**	**Mã ngành nghề**	**Tên ngành nghề kinh doanh**	
				- Hoạt động chuyên môn và phục hồi năng lực đánh giá khả năng học tập; ***- Kinh doanh dịch vụ tư vấn du học.***	động trong lĩnh vực giáo dục.
11	8559	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ về công nghệ thông tin; - Giáo dục dự bị; - Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể;	(Giữ nguyên mã ngành) 8559	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; ~~***- Đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ về công nghệ thông tin;***~~ ~~***- Giáo dục dự bị;***~~ ***- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);*** ***- Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho học sinh yếu kém;*** - Các khóa học về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;	Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam *(Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)*

	Ngành, nghề kinh doanh hiện hành		Ngành, nghề kinh doanh cập nhật, bổ sung		Cơ sở để cập nhật, bổ sung
STT	**Mã ngành nghề**	**Tên ngành nghề kinh doanh**	**Mã ngành nghề**	**Tên ngành nghề kinh doanh**	
		- Đào tạo tự vệ; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính;		- Dạy đọc nhanh; ~~**- Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể;**~~ ~~**- Đào tạo tự vệ;**~~ ***- Các khóa học về chăm sóc sức khỏe;*** ***- Các khóa học may vá;*** ***- Các khóa học về thư giãn;*** ***- Các khóa học về cuộc sống gia đình, ví dụ như khóa học về cha mẹ và con cái,..*** ***- Các khóa đào tạo về các sản phẩm bảo vệ thực vật;*** - Dạy máy tính; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Đào tạo về sự sống...	
12	5820	Xuất bản phần mềm	***5829***	Xuất bản phần mềm ***khác*** ***Chi tiết:*** ***- Xuất bản phần mềm hệ thống*** ***- Xuất bản phần mềm ứng dụng***	Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam *(Kèm theo Quyết định số*

	Ngành, nghề kinh doanh hiện hành		Ngành, nghề kinh doanh cập nhật, bổ sung		Cơ sở để cập nhật, bổ sung
STT	**Mã ngành nghề**	**Tên ngành nghề kinh doanh**	**Mã ngành nghề**	**Tên ngành nghề kinh doanh**	
				- Xuất bản phần mềm khác chưa được phân vào đâu: Xuất bản các phần mềm khác như: phần mềm bảo mật máy tính, phần mềm an ninh mạng, phần mềm tạo mô hình hóa... ***(Trừ hoạt động xuất bản phẩm)***	*36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)*
13	6622	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm (không bao gồm bảo hiểm y tế) Chi tiết: Hoạt động của các đại lý và môi giới (trung gian bảo hiểm) bảo hiểm trong việc bán, thương lượng hoặc tư vấn về chính sách bảo hiểm.	Giữ nguyên mã và tên ngành nghề		Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam *(Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)*
14	8110	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	Giữ nguyên mã và tên ngành nghề		Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam *(Kèm theo Quyết*

	Ngành, nghề kinh doanh hiện hành		Ngành, nghề kinh doanh cập nhật, bổ sung		Cơ sở để cập nhật, bổ sung
STT	**Mã ngành nghề**	**Tên ngành nghề kinh doanh**	**Mã ngành nghề**	**Tên ngành nghề kinh doanh**	
					định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)
15	6190	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Dịch vụ ứng dụng viễn thông; Cung cấp các thiết bị bưu chính viễn thông; Đại lý dịch vụ viễn thông; Đại lý cung cấp dịch vụ thoại và xây dựng cơ sở hạ tầng trên nên Internet trong và ngoài nước, trên mạng di động và trên mạng cố định; Cung cấp nội dung thông tin và khai thác các dịch vụ gia tăng trên mạng internet, mạng thông tin đại chúng qua điện thoại di động, truyền hình (trừ loại Nhà nước cấm); Đại lý cung cấp các dịch vụ thương mại điện tử và các dịch vụ gia tăng khác cho người dùng	Giữ nguyên mã ngành 6190	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: ~~**Dịch vụ ứng dụng viễn thông; Cung cấp các thiết bị bưu chính viễn thông; Đại lý dịch vụ viễn thông; Đại lý cung cấp dịch vụ thoại và xây dựng cơ sở hạ tầng trên nên Internet trong và ngoài nước, trên mạng di động và trên mạng cố định; Cung cấp nội dung thông tin và khai thác các dịch vụ gia tăng trên mạng internet, mạng thông tin đại chúng qua điện thoại di động, truyền hình (trừ loại Nhà nước**~~	Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam *(Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)* Điều 5 Nghị định 163/2024/NĐ-CP

	Ngành, nghề kinh doanh hiện hành		Ngành, nghề kinh doanh cập nhật, bổ sung		Cơ sở để cập nhật, bổ sung
STT	**Mã ngành nghề**	**Tên ngành nghề kinh doanh**	**Mã ngành nghề**	**Tên ngành nghề kinh doanh**	
		Internet, thuê bao điện thoại di động và thuê bao điện thoại cố định; Cung cấp dịch vụ tích hợp viễn thông, công nghệ thông tin; Đại lý, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ viễn thông, Internet.		~~cấm); Đại lý cung cấp các dịch vụ thương mại điện tử và các dịch vụ gia tăng khác cho người dùng Internet, thuê bao điện thoại di động và thuê bao điện thoại cố định; Cung cấp dịch vụ tích hợp viễn thông, công nghệ thông tin; Đại lý, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ viễn thông, Internet.~~ ***- Cung cấp các ứng dụng viễn thông chuyên dụng như theo dõi hoạt động vệ tinh, đo xa và các trạm rada;*** ***- Điều hành các trạm đầu cuối vệ tinh và các trạm liên hợp nối với một hoặc nhiều hệ thống thông tin mặt đất và khả năng truyền/nhận viễn thông từ hệ thống vệ tinh;*** ***- Cung cấp dịch vụ thoại qua giao thức internet (VOIP);***	hướng dẫn Luật viễn thông 2023

	Ngành, nghề kinh doanh hiện hành		Ngành, nghề kinh doanh cập nhật, bổ sung		Cơ sở để cập nhật, bổ sung
STT	**Mã ngành nghề**	**Tên ngành nghề kinh doanh**	**Mã ngành nghề**	**Tên ngành nghề kinh doanh**	
				- Cung cấp dịch vụ gửi tin nhắn văn bản (SMS), gửi tin nhắn văn bản kết hợp hình ảnh, âm thanh, gửi tin nhắn đa phương tiện (SMS+, MMS+), cung cấp dịch vụ tin nhắn "push" mà không sử dụng mạng viễn thông để truyền dữ liệu. ***- Cung cấp dịch vụ thông báo (ví dụ như: dịch vụ thông báo của ngân hàng, tin nhắn quảng cáo...).*** ***- Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng;***	
16	7020	Hoạt động tư vấn quản lý	Giữ nguyên mã ngành 7020	Hoạt động tư vấn quản lý ***kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác***	Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam *(Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban*

	Ngành, nghề kinh doanh hiện hành		Ngành, nghề kinh doanh cập nhật, bổ sung		Cơ sở để cập nhật, bổ sung
STT	**Mã ngành nghề**	**Tên ngành nghề kinh doanh**	**Mã ngành nghề**	**Tên ngành nghề kinh doanh**	
					hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)
17	7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển	Giữ nguyên mã và tên ngành nghề.		Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam *(Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)*

	Ngành, nghề kinh doanh hiện hành		Ngành, nghề kinh doanh cập nhật, bổ sung		Cơ sở để cập nhật, bổ sung
STT	**Mã ngành nghề**	**Tên ngành nghề kinh doanh**	**Mã ngành nghề**	**Tên ngành nghề kinh doanh**	
18	6399	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	***6390***	***Hoạt động cổng tìm kiếm web và các*** dịch vụ thông tin khác ~~***chưa được phân vào đâu***~~ ***Chi tiết:*** ***- Hoạt động cổng tìm kiếm web*** ***- Dịch vụ thông tin qua điện thoại;*** ***- Dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hoặc trên cơ sở phí;*** ***- Biên soạn thông tin hoặc danh bạ qua hợp đồng hoặc trên cơ sở phí.*** ***(Trừ hoạt động báo chí)***	Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam *(Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)*
19	*Chưa có*	*Chưa có*	***6829***	***Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng*** ***Chi tiết:*** ***- Dịch vụ tư vấn, dịch vụ quản lý bất động sản;*** ***- Dịch vụ quản lý vận hành tòa nhà chung cư.***	- Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam *(Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng*

	Ngành, nghề kinh doanh hiện hành		Ngành, nghề kinh doanh cập nhật, bổ sung		Cơ sở để cập nhật, bổ sung
STT	**Mã ngành nghề**	**Tên ngành nghề kinh doanh**	**Mã ngành nghề**	**Tên ngành nghề kinh doanh**	
					Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam) Điều 9, Điều 66 Luật Kinh doanh bất động sản 2023. Điều 149, Điều 150, Điều 151 Luật Nhà ở 2023. - Phù hợp với thực tế hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt;
20	*Chưa có*	*Chưa có*	***4651***	***Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm***	- Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam *(Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống*

	Ngành, nghề kinh doanh hiện hành		Ngành, nghề kinh doanh cập nhật, bổ sung		Cơ sở để cập nhật, bổ sung
STT	**Mã ngành nghề**	**Tên ngành nghề kinh doanh**	**Mã ngành nghề**	**Tên ngành nghề kinh doanh**	
					ngành kinh tế Việt Nam); - Phù hợp với thực tế hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt;
21	*Chưa có*	*Chưa có*	***6110***	***Hoạt động viễn thông có dây, không dây và vệ tinh*** ***Chi tiết:*** ***- Vận hành, duy trì hoặc cung cấp quyền truy cập vào cơ sở hạ tầng để truyền tải giọng nói, dữ liệu, ký tự, âm thanh, hình ảnh thông qua hệ thống viễn thông có dây, không dây hoặc vệ tinh, bao gồm:*** ***+ Vận hành và bảo trì các thiết bị chuyển mạch và truyền dẫn cung cấp liên lạc điểm - đến - điểm thông qua đường dây cố định (dây đồng hoặc cáp quang), vi ba hoặc kết hợp giữa đường dây cố định và liên kết vệ tinh;***	- Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam *(Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)* - Điều 10 Luật Viễn thông 2023; - Phù hợp với thực tế hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt;

	Ngành, nghề kinh doanh hiện hành		Ngành, nghề kinh doanh cập nhật, bổ sung		Cơ sở để cập nhật, bổ sung
STT	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh	
				+ Vận hành hệ thống phân phối cáp (ví dụ: phân phối dữ liệu và tín hiệu truyền hình), có thể bao gồm hoặc không bao gồm việc cung cấp dịch vụ video theo yêu cầu từ bên thứ ba cho khách hàng; ***+ Cung cấp dịch vụ truy cập internet bởi đơn vị vận hành cơ sở hạ tầng viễn thông;*** ***+ Bảo trì và vận hành mạng viễn thông di động và không dây khác, bao gồm cả hệ thống nhắn tin báo gọi (paging systems);*** ***+ Hoạt động truyền phát âm thanh, hình ảnh hoặc các chương trình gốc nhận được từ mạng cáp, đài truyền hình hoặc hệ thống đài phát thanh trong nước tới các hộ gia đình qua hệ thống vệ tinh hoặc qua truyền hình giao thức internet. Các đơn vị được phân loại ở đây thường***	

	Ngành, nghề kinh doanh hiện hành		Ngành, nghề kinh doanh cập nhật, bổ sung		Cơ sở để cập nhật, bổ sung
STT	**Mã ngành nghề**	**Tên ngành nghề kinh doanh**	**Mã ngành nghề**	**Tên ngành nghề kinh doanh**	
				không sản xuất nội dung chương trình; ***+ Cung cấp dịch vụ thoại qua giao thức internet (VOIP) bằng mạng viễn thông.*** ***- Hệ thống truyền dẫn thực hiện các hoạt động viễn thông có thể sử dụng một hoặc nhiều công nghệ kết hợp.*** ***- Kinh doanh dịch vụ viễn thông;*** ***- Kinh doanh hàng hóa viễn thông***	
22	*Chưa có*	*Chưa có*	***6120***	***Hoạt động bán lại dịch vụ viễn thông và dịch vụ trung gian cho hoạt động viễn thông*** ***Chi tiết:*** ***- Hoạt động bán lại dịch vụ viễn thông;*** ***- Dịch vụ trung gian cho hoạt động viễn thông;*** ***- Đại lý dịch vụ viễn thông;***	- Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam *(Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống*

	Ngành, nghề kinh doanh hiện hành		Ngành, nghề kinh doanh cập nhật, bổ sung		Cơ sở để cập nhật, bổ sung
STT	**Mã ngành nghề**	**Tên ngành nghề kinh doanh**	**Mã ngành nghề**	**Tên ngành nghề kinh doanh**	
					ngành kinh tế Việt Nam); - Điều 14, 42 Luật Viễn thông 2023; - Phù hợp với thực tế hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt;
23	*Chưa có*	*Chưa có*	***7211***	***Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên***	- Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam *(Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam);* - Phù hợp với thực tế hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt;

	Ngành, nghề kinh doanh hiện hành		Ngành, nghề kinh doanh cập nhật, bổ sung		Cơ sở để cập nhật, bổ sung
STT	**Mã ngành nghề**	**Tên ngành nghề kinh doanh**	**Mã ngành nghề**	**Tên ngành nghề kinh doanh**	
24	*Chưa có*	*Chưa có*	***8230***	***Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại*** ***Chi tiết:*** ***- Việc tổ chức, xúc tiến và/hoặc quản lý các sự kiện như triển lãm và hội chợ thương mại, sự kiện doanh nghiệp, triển lãm chung hoặc chuyên ngành, hội nghị và hội thảo, thảo luận chuyên đề, họp chuyên đề, hội thảo chuyên đề, chợ nông sản và hội chợ thủ công mỹ nghệ, lễ hội...***	- Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam *(Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam);* - Phù hợp với thực tế hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt;

PHỤ LỤC 2: BẢNG TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT LẦN THỨ 16

(Kèm theo Tờ trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 số 715 /2026/TTr-HĐQT ngày 05 / 06 /2026 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn về việc thông qua các nội dung cập nhật, bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và sửa đổi bổ sung Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt (sửa đổi, bổ sung lần thứ 16))

Nguyên tắc trình bày: Trong Bảng tổng hợp sửa đổi, bổ sung này này, những nội dung bổ sung là những nội dung được in đậm, in nghiêng (***aaa***); những nội dung lược bỏ là những nội dung được gạch ngang (~~aaa~~).

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
1	Điều 1. Giải thích thuật ngữ	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: [...] c. "**Luật doanh nghiệp**" là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020; d. "**Luật chứng khoán**" là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019; e. chưa quy định [...] n. "**Tập đoàn**" là Tập đoàn Bảo Việt, công ty mẹ của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt, có tư cách pháp nhân, được thành lập và hoạt động theo Điều lệ và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng đăng ký kinh	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: [...] c. "**Luật Doanh nghiệp**" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 ***và các luật sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này (nếu có), bao gồm Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành, quy định chi tiết của Luật Doanh nghiệp***; d. **"Luật Chứng khoán"** là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 ***và các luật sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này (nếu có), bao gồm Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành, quy định chi tiết của Luật Chứng khoán***; ***e. "Luật quản lý vốn nhà nước" là Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 14/6/2025 và các luật sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này (nếu có), bao gồm Luật quản***	Bổ sung để làm rõ và đầy đủ các căn cứ để tham chiếu trong toàn bộ văn bản.

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
		doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.	***lý vốn nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành, quy định chi tiết của Luật quản lý vốn nhà nước;*** p. **"Tập đoàn"** là Tập đoàn Bảo Việt, công ty mẹ của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt, có tư cách pháp nhân, được thành lập và hoạt động theo Điều lệ và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư ***(nay là Phòng Đăng ký Kinh doanh và Tài chính Doanh nghiệp – Sở Tài chính)*** Thành phố Hà Nội cấp.	
2	Điều 1. Giải thích thuật ngữ	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: [...] f. "Người quản lý doanh nghiệp" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của Tập đoàn, Kế toán trưởng Tập đoàn;	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: [...] f. "Người quản lý doanh nghiệp" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của Tập đoàn~~, Kế toán trưởng Tập đoàn;~~	Bỏ theo yêu cầu của Bộ Tài chính.
3	Điều 1. Giải thích thuật ngữ	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: [...] g. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Tập đoàn;	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: [...] h. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Tập đoàn ***và các chức danh điều hành khác do Hội đồng quản trị Tập đoàn bổ nhiệm***;	Bổ sung theo yêu cầu của Bộ Tài chính.

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
4	Điều 1. Giải thích thuật ngữ	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: [...] i. Chưa quy định	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: [...] ***j. "Người đại diện phần vốn nhà nước" là cá nhân được Bộ Tài chính ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại Tập đoàn.***	Bổ sung theo quy định tại Khoản 4 Điều 3 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại Doanh nghiệp.
5	Điều 1. Giải thích thuật ngữ	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: [...] q. "**Công ty liên kết**" là doanh nghiệp mà Tập đoàn không nắm quyền chi phối, chịu sự ràng buộc về quyền lợi, nghĩa vụ với Tập đoàn theo tỷ lệ góp vốn hoặc theo thỏa thuận trong hợp đồng liên kết đã ký giữa công ty với Tập đoàn	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: [...] s. **Công ty liên kết**" là doanh nghiệp mà Tập đoàn ***nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua Công ty con từ 20% đến dưới 50% tổng vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của doanh nghiệp đó mà không có thỏa thuận khác và doanh nghiệp đó không phải là công ty con của Tập đoàn.***~~không nắm quyền chi phối, chịu sự ràng buộc về quyền lợi, nghĩa vụ với Tập đoàn theo tỷ lệ góp vốn hoặc theo thỏa thuận trong hợp đồng liên kết đã ký giữa công ty với Tập đoàn.~~	Sửa đổi, bổ sung để đảm bảo phù hợp theo quy định tại Phụ lục II Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.
6	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và	3. Trụ sở đăng ký của Tập đoàn là: - Địa chỉ trụ sở chính: Số 8, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam - Điện thoại:(84.24) 392899999/(84.24) 39289898	Trụ sở đăng ký của Tập đoàn là: - Địa chỉ trụ sở chính: Số 8, phố Lê Thái Tổ, phường ~~Hàng Trống, quận~~ Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam . - Điện thoại:(84.24) 392899999/(84.24) 39289898	Sửa đổi theo đơn vị hành chính sau sáp nhập.

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
	thời hạn hoạt động của Tập đoàn			
7	Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tập đoàn	6499 - Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) Chi tiết: - Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết, kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật;	6499 - Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm ***và hoạt động quỹ hưu trí*** ~~bảo hiểm xã hội~~) Chi tiết: - Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết, kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật;	Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam *(Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)*
8		6201- Lập trình máy vi tính	***6219*** - Lập trình ***máy*** ~~***vi-***~***tính khác*** ***Chi tiết:*** ***- Hoạt động thiết kế cấu trúc và nội dung; viết, sửa (bao gồm các bản cập nhật và bản vá lỗi phần mềm), tùy chỉnh, thử nghiệm và hỗ trợ mã hóa máy tính cần thiết để tạo và triển khai: phần mềm hệ thống; phần mềm kinh doanh, phần mềm tài chính và ứng dụng phần mềm khác (trừ ứng dụng trò chơi điện tử); ứng dụng máy học; ứng dụng trí tuệ nhân tạo/thị giác máy; ứng dụng an ninh mạng; ứng dụng sổ cái phân tán; cơ sở dữ liệu; các trang web.***	Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam *(Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)*

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
9		6202 - Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	***6220*** - Tư vấn máy tính và ~~quản trị hệ thống máy vi tính~~ ***quản lý cơ sở hạ tầng máy tính***	Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam *(Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)*
10		6311 - Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	***6310 - Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin***, xử lý dữ liệu, ~~cho thuê~~ ***lưu trữ*** và các hoạt động liên quan ***(Trừ hoạt động báo chí)***	Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam *(Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)*
11		6312 - Cổng thông tin	***6390*** ~~Cổng thông tin.~~ ***Hoạt động cổng tìm kiếm web và các dịch vụ thông tin khác*** ***Chi tiết:*** ***- Hoạt động cổng tìm kiếm web*** ***- Dịch vụ thông tin qua điện thoại;***	Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam *(Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg*

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
			- Dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hoặc trên cơ sở phí; ***- Biên soạn thông tin hoặc danh bạ qua hợp đồng hoặc trên cơ sở phí.*** ***(Trừ hoạt động báo chí)***	*ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)*
12		6209 - Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm; Dịch vụ tư vấn công nghệ thông tin; Dịch vụ tư vấn an toàn thông tin mạng; Dịch vụ giám sát an toàn thông tin mạng; Dịch vụ ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng; Dịch vụ khôi phục dữ liệu; Dịch vụ phòng ngừa, chống tấn công mạng; Dịch vụ tích hợp hệ thống, công nghệ thông tin; Dịch vụ lưu trữ thông tin; Dịch vụ quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá), thương mại trực tuyến, kinh doanh thương mại điện tử; Dịch vụ xử lý dữ liệu và các hoạt động liên quan đến cơ sở dữ liệu; xây dựng cơ sở dữ liệu, liên kết xuất bản sách điện tử, lưu trữ dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu và các hoạt động khác liên quan đến cơ sở dữ liệu;	***6290*** - Hoạt động dịch vụ ***máy tính và*** công nghệ thông tin ***khác*** ~~và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính~~ Chi tiết: ***- Khắc phục các sự cố máy tính và cài đặt máy tính cá nhân, cài đặt phần mềm.*** ***- Hoạt động công nghiệp công nghệ số;*** ~~Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm; Dịch vụ tư vấn công nghệ thông tin; Dịch vụ tư vấn an toàn thông tin mạng; Dịch vụ giám sát an toàn thông tin mạng; Dịch vụ ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng; Dịch vụ khôi phục dữ liệu; Dịch vụ phòng ngừa, chống tấn công mạng; Dịch vụ tích hợp hệ thống, công nghệ thông tin; Dịch vụ lưu trữ thông tin; Dịch vụ quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá), thương mại trực tuyến, kinh doanh thương mại điện tử; Dịch vụ xử lý dữ liệu và các hoạt động liên quan đến cơ sở dữ liệu; xây dựng cơ sở dữ liệu, liên kết xuất bản sách điện tử, lưu trữ dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu và các hoạt động khác liên quan đến cơ sở dữ liệu; Cung cấp các giải pháp thông tin trực tuyến, kinh doanh thương mại điện tử, đấu giá trên Internet; Cung cấp dịch vụ phần mềm và nội dung: tư vấn phần mềm, tích hợp, cung cấp hệ thống, dịch vụ chuyên nghiệp và phần mềm, dịch vụ huấn luyện và đào tạo công~~	Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam *(Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)* Điều 13 của Luật Công nghiệp công nghệ số năm 2025 Điều 4 Nghị định 353/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
		Cung cấp các giải pháp thông tin trực tuyến, kinh doanh thương mại điện tử, đấu giá trên Internet; Cung cấp dịch vụ phần mềm và nội dung: tư vấn phần mềm, tích hợp, cung cấp hệ thống, dịch vụ chuyên nghiệp và phần mềm, dịch vụ huấn luyện và đào tạo công nghệ thông tin (chỉ hoạt động sau khi cơ quan có thẩm quyền cho phép); Thiết kế và phát triển hệ thống thông tin quản trị, hệ thống công nghệ thông tin; Triển khai và hỗ trợ hệ thống thông tin quản trị, hệ thống công nghệ thông tin.	~~nghệ thông tin (chỉ hoạt động sau khi cơ quan có thẩm quyền cho phép); Thiết kế và phát triển hệ thống thông tin quản trị, hệ thống công nghệ thông tin; Triển khai và hỗ trợ hệ thống thông tin quản trị, hệ thống công nghệ thông tin.~~	nghiệp công nghệ số.
13		9511 Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	***9510*** - Sửa chữa, ***bảo dưỡng máy tính*** ~~máy vi tính~~, thiết bị ***thông tin và truyền thông*** ~~ngoại vi~~	Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam *(Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)*
14		8560 Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	***8569*** - ~~Dịch vụ~~ ***Hoạt động*** hỗ trợ giáo dục ***khác*** ***Chi tiết:***	Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
			- Tư vấn giáo dục; ***- Hoạt động đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục;*** ***- Hoạt động đánh giá việc kiểm tra giáo dục;*** ***- Hoạt động khảo thí trong giáo dục;*** ***- Tổ chức các chương trình trao đổi học sinh;*** ***- Phát triển chương trình giảng dạy;*** ***- Hoạt động chuyên môn và phục hồi năng lực đánh giá khả năng học tập;*** ***- Kinh doanh dịch vụ tư vấn du học.***	*(Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)* Điều 115 Nghị định 125/2024/NĐ-CP quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
15		8559 - Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ về công nghệ thông tin; - Giáo dục dự bị; - Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn;	8559 - Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; ~~- Đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ về công nghệ thông tin;~~ ~~- Giáo dục dự bị;~~ ***- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);*** ***- Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho học sinh yếu kém;*** - Các khóa học về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh;	Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam *(Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)*

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
		- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể; - Đào tạo tự vệ; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính;	~~- Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể;~~ ~~- Đào tạo tự vệ;~~ ***- Các khóa học về chăm sóc sức khỏe;*** ***- Các khóa học may vá;*** ***- Các khóa học về thư giãn;*** ***- Các khóa học về cuộc sống gia đình, ví dụ như khóa học về cha mẹ và con cái,..*** ***- Các khóa đào tạo về các sản phẩm bảo vệ thực vật;*** - Dạy máy tính; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Đào tạo về sự sống...	
16		5820 - Xuất bản phần mềm	***5829*** - Xuất bản phần mềm ***khác*** ***Chi tiết:*** ***- Xuất bản phần mềm hệ thống*** ***- Xuất bản phần mềm ứng dụng*** ***- Xuất bản phần mềm khác chưa được phân vào đâu: Xuất bản các phần mềm khác như: phần mềm bảo mật máy tính, phần mềm an ninh mạng, phần mềm tạo mô hình hóa...*** ***(Trừ hoạt động xuất bản phẩm)***	Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam *(Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)*
17		6190 - Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Dịch vụ ứng dụng viễn thông; Cung cấp các thiết bị bưu chính	6190 - Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: ~~Dịch vụ ứng dụng viễn thông; Cung cấp các thiết bị bưu chính viễn thông; Đại lý dịch vụ viễn thông; Đại lý cung~~	Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam *(Kèm theo Quyết*

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
		viễn thông; Đại lý dịch vụ viễn thông; Đại lý cung cấp dịch vụ thoại và xây dựng cơ sở hạ tầng trên nên Internet trong và ngoài nước, trên mạng di động và trên mạng cố định; Cung cấp nội dung thông tin và khai thác các dịch vụ gia tăng trên mạng internet, mạng thông tin đại chúng qua điện thoại di động, truyền hình (trừ loại Nhà nước cấm); Đại lý cung cấp các dịch vụ thương mại điện tử và các dịch vụ gia tăng khác cho người dùng Internet, thuê bao điện thoại di động và thuê bao điện thoại cố định; Cung cấp dịch vụ tích hợp viễn thông, công nghệ thông tin; Đại lý, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ viễn thông, Internet.	~~cấp dịch vụ thoại và xây dựng cơ sở hạ tầng trên nên Internet trong và ngoài nước, trên mạng di động và trên mạng cố định; Cung cấp nội dung thông tin và khai thác các dịch vụ gia tăng trên mạng internet, mạng thông tin đại chúng qua điện thoại di động, truyền hình (trừ loại Nhà nước cấm); Đại lý cung cấp các dịch vụ thương mại điện tử và các dịch vụ gia tăng khác cho người dùng Internet, thuê bao điện thoại di động và thuê bao điện thoại cố định; Cung cấp dịch vụ tích hợp viễn thông, công nghệ thông tin; Đại lý, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ viễn thông, Internet.~~ ***- Cung cấp các ứng dụng viễn thông chuyên dụng như theo dõi hoạt động vệ tinh, đo xa và các trạm rada;*** ***- Điều hành các trạm đầu cuối vệ tinh và các trạm liên hợp nối với một hoặc nhiều hệ thống thông tin mặt đất và khả năng truyền/nhận viễn thông từ hệ thống vệ tinh;*** ***- Cung cấp dịch vụ thoại qua giao thức internet (VOIP);*** ***- Cung cấp dịch vụ gửi tin nhắn văn bản (SMS), gửi tin nhắn văn bản kết hợp hình ảnh, âm thanh, gửi tin nhắn đa phương tiện (SMS+, MMS+), cung cấp dịch vụ tin nhắn "push" mà không sử dụng mạng viễn thông để truyền dữ liệu.*** ***- Cung cấp dịch vụ thông báo (ví dụ như: dịch vụ thông báo của ngân hàng, tin nhắn quảng cáo...).*** ***- Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng;***	*định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)* Điều 5 Nghị định 163/2024/NĐ-CP hướng dẫn Luật viễn thông 2023
18		7020 - Hoạt động tư vấn quản lý	7020 - Hoạt động tư vấn quản lý ***kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác***	Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam *(Kèm theo Quyết*

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
				định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)
19		6399 - Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	***6390 - Hoạt động cổng tìm kiếm web và các*** dịch vụ thông tin khác ~~chưa được phân vào đâu~~ ***Chi tiết:*** ***- Hoạt động cổng tìm kiếm web*** ***- Dịch vụ thông tin qua điện thoại;*** ***- Dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hoặc trên cơ sở phí;*** ***- Biên soạn thông tin hoặc danh bạ qua hợp đồng hoặc trên cơ sở phí.*** ***(Trừ hoạt động báo chí)***	Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam *(Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)*
20		Chưa có	***6829 - Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng*** ***Chi tiết:*** ***- Dịch vụ tư vấn, dịch vụ quản lý bất động sản;*** ***- Dịch vụ quản lý vận hành tòa nhà chung cư.***	- Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam *(Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ*

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
				thống ngành kinh tế Việt Nam) Điều 9, Điều 66 Luật Kinh doanh bất động sản 2023. Điều 149, Điều 150, Điều 151 Luật Nhà ở 2023. - Phù hợp với thực tế hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt;
21		Chưa có	***4651 - Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm***	- Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam *(Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam);* - Phù hợp với thực tế hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt;
22		Chưa có	***6110 - Hoạt động viễn thông có dây, không dây và vệ tinh***	- Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
			Chi tiết: ***- Vận hành, duy trì hoặc cung cấp quyền truy cập vào cơ sở hạ tầng để truyền tải giọng nói, dữ liệu, ký tự, âm thanh, hình ảnh thông qua hệ thống viễn thông có dây, không dây hoặc vệ tinh, bao gồm:*** ***+ Vận hành và bảo trì các thiết bị chuyển mạch và truyền dẫn cung cấp liên lạc điểm - đến - điểm thông qua đường dây cố định (dây đồng hoặc cáp quang), vi ba hoặc kết hợp giữa đường dây cố định và liên kết vệ tinh;*** ***+ Vận hành hệ thống phân phối cáp (ví dụ: phân phối dữ liệu và tín hiệu truyền hình), có thể bao gồm hoặc không bao gồm việc cung cấp dịch vụ video theo yêu cầu từ bên thứ ba cho khách hàng;*** ***+ Cung cấp dịch vụ truy cập internet bởi đơn vị vận hành cơ sở hạ tầng viễn thông;*** ***+ Bảo trì và vận hành mạng viễn thông di động và không dây khác, bao gồm cả hệ thống nhắn tin báo gọi (paging systems);*** ***+ Hoạt động truyền phát âm thanh, hình ảnh hoặc các chương trình gốc nhận được từ mạng cáp, đài truyền hình hoặc hệ thống đài phát thanh trong nước tới các hộ gia đình qua hệ thống vệ tinh hoặc qua truyền hình giao thức internet. Các đơn vị được phân loại ở đây thường không sản xuất nội dung chương trình;*** ***+ Cung cấp dịch vụ thoại qua giao thức internet (VOIP) bằng mạng viễn thông.*** ***- Hệ thống truyền dẫn thực hiện các hoạt động viễn thông có thể sử dụng một hoặc nhiều công nghệ kết hợp.***	kinh tế Việt Nam *(Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)* - Điều 10 Luật Viễn thông 2023; - Phù hợp với thực tế hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt;

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
			- Kinh doanh dịch vụ viễn thông; ***- Kinh doanh hàng hóa viễn thông***	
23		Chưa có	***6120 - Hoạt động bán lại dịch vụ viễn thông và dịch vụ trung gian cho hoạt động viễn thông*** ***Chi tiết:*** ***- Hoạt động bán lại dịch vụ viễn thông;*** ***- Dịch vụ trung gian cho hoạt động viễn thông;*** ***- Đại lý dịch vụ viễn thông;***	- Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam *(Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam);* - Điều 14, 42 Luật Viễn thông 2023; - Phù hợp với thực tế hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt;
24		Chưa có	***7211 - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên***	- Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam *(Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ*

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
				về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam); - Phù hợp với thực tế hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt;
25		Chưa có	***8230 - Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại*** ***Chi tiết:*** ***- Việc tổ chức, xúc tiến và/hoặc quản lý các sự kiện như triển lãm và hội chợ thương mại, sự kiện doanh nghiệp, triển lãm chung hoặc chuyên ngành, hội nghị và hội thảo, thảo luận chuyên đề, họp chuyên đề, hội thảo chuyên đề, chợ nông sản và hội chợ thủ công mỹ nghệ, lễ hội...***	- Phụ lục 1, 2. Danh mục ngành kinh tế Việt Nam *(Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam);* - Phù hợp với thực tế hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt;
26	Điều 10. Thu hồi cổ phần	1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí	1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại ***và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính***	Sửa đổi để đảm bảo phù hợp với thực tế và theo quy định tại Điều 10 Điều lệ mẫu tại

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
		phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Tập đoàn.	~~cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí~~ phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Tập đoàn.	Thông tư 116/2020/TT-BTC
27	Điều 12. Quyền của cổ đông	1. Cổ đông là người chủ sở hữu Tập đoàn, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tập đoàn trong phạm vi số vốn đã góp vào Tập đoàn.	1. Cổ đông ~~là người chủ sở hữu Tập đoàn,~~ có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tập đoàn trong phạm vi số vốn đã góp vào Tập đoàn.	Bỏ theo yêu cầu của Bộ Tài chính phù hợp với Điều 111 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC.
28	Điều 12. Quyền của cổ đông	2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;	2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc ~~thực hiện bỏ phiếu từ xa~~ ***hình thức khác do Điều lệ Tập đoàn, pháp luật quy định.***	Sửa đổi để phù hợp với quy định tại Điều 115.1.a Luật Doanh nghiệp 2020.
29	Điều 12. Quyền của cổ đông	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 2, Khoản 3 , Khoản 4 Điều 115 và Điều 140 Luật doanh nghiệpLuật Doanh nghiệp và khoản 18 Điều 1 Luật số	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 2, Khoản 3 , ~~Khoản 4~~ Điều 115 và Điều 140 Luật doanh nghiệpLuật Doanh nghiệp ***và khoản 18 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp***;	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tham chiếu quy định pháp luật.

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
		76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;		
30	Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: [...] b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán/soát xét phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;	3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: [...] b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán/soát xét phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất ***từ*** một nửa (1/2) ***trở lên*** so với số đầu kỳ;	Sửa đổi để đảm bảo rõ ý.
31	Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: *Chưa có*	***a. Định hướng phát triển của Tập đoàn, bao gồm: ngành, nghề kinh doanh, mục tiêu, nhiệm vụ;***	Bổ sung theo yêu cầu của Bộ Tài chính. Phù hợp Điều 138.2 Luật doanh nghiệp 2020 và Điều 27.2.a Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại Doanh nghiệp.
32	Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại	2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: [……]	2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: [……] f. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, ***Trưởng Ban kiểm soát*** và Kiểm soát viên;	Bổ sung theo yêu cầu của Bộ Tài chính.

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
	hội đồng cổ đông	e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;		
33	Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: [……] j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tập đoàn và chỉ định người thanh lý;	2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: [……] k. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý), ***yêu cầu phá sản*** Tập đoàn và chỉ định người thanh lý;	Bổ sung theo yêu cầu của Bộ Tài chính. Phù hợp Điều 27.2.d Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại Doanh nghiệp.
34	Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: [……] l. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét gần nhất; m. Quyết định cho thuê, cầm cố, thế chấp, các biện pháp bảo đảm khác, bảo lãnh, thanh lý tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét gần nhất.	2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: [……] m. Quyết định ***hoạt động*** đầu tư, ~~**hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét gần nhất;,**~~ ***chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư của Tập đoàn tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc bán số tài sản trong trường hợp có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu của Tập đoàn hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất;***	Đối với điểm l: Chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của Bộ Tài chính. Phù hợp quy định tại Điều 27.2.đ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại Doanh nghiệp và Điều 26.2 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP. Đối với điểm m: Bổ sung theo yêu cầu của Bộ Tài chính, phù hợp quy định tại Điều 19,

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
		p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;	n. Quyết định cho thuê, ***cho vay,*** cầm cố, thế chấp, các biện pháp bảo đảm khác, bảo lãnh, thanh lý tài sản ***có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu của Tập đoàn hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất*** ~~có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét gần nhất~~. ***Hoạt động cho vay, bảo lãnh của Tập đoàn đảm bảo tuân thủ theo nguyên tắc được quy định tại Khoản 4 Điều 40 và Khoản 4 Điều 42 Điều lệ này.*** q. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành ***đã bán*** của mỗi loại***;***	27 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại Doanh nghiệp. Đối với với điểm p: Bổ sung để làm rõ quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị trong vấn đề này và phù hợp với Khoản 1g Điều 138 Luật doanh nghiệp 2020.
35	Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến các vấn đề sau đây chỉ được thông qua khi có từ 85% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành: (i) Sửa đổi và bổ sung Điều lệ, (ii) Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, (iii) Việc sáp nhập, tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, (iv) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tập đoàn	3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến các vấn đề sau đây chỉ được thông qua khi có từ 85% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành: (i) Sửa đổi và bổ sung Điều lệ, (ii) Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, (iii) Việc sáp nhập, tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, (iv) Quyết định **hoạt động** đầu tư, ~~hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét gần nhất;~~, ***chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư của Tập đoàn tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc bán số tài sản trong trường hợp có giá***	Chỉnh sửa bổ sung theo yêu cầu của Bộ Tài chính, phù hợp chỉnh sửa, bổ sung về thẩm quyền của ĐHĐCĐ tại Điều 15.2.l Điều lệ.

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
		được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét gần nhất;, (v) Tăng hoặc giảm Vốn điều lệ.	***trị trên 50% vốn chủ sở hữu của Tập đoàn hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất***, (v) Tăng hoặc giảm Vốn điều lệ.	
36	Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	10. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây nếu được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 85% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: (i) Sửa đổi và bổ sung Điều lệ, (ii) Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, (iii) Việc sáp nhập, tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, (iv) Quyết định đầu tư, hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét gần nhất, (v) Tăng hoặc giảm Vốn điều lệ.	10. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây nếu được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 85% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: (i) Sửa đổi và bổ sung Điều lệ, (ii) Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, (iii) Việc sáp nhập, tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, (iv) Quyết định ***hoạt động*** đầu tư, ***chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư của Tập đoàn tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc bán số tài sản trong trường hợp có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu của Tập đoàn hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất*** ~~**hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xétgần nhất**~~ (v) Tăng hoặc giảm Vốn điều lệ.	Chỉnh sửa bổ sung theo yêu cầu của Bộ Tài chính, phù hợp chỉnh sửa, bổ sung về thẩm quyền của ĐHĐCĐ tại Điều 15.2.l Điều lệ.
37	Điều 23.	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử	Bổ sung khoản liên quan nội dung

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
	Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây: […]	khác. Biên bản phải ~~được lập bằng tiếng Việt~~ và có các nội dung chủ yếu sau đây: […] ***3. Biên bản họp và Nghị quyết được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Nội dung bằng tiếng Anh phải bảo đảm thống nhất với nội dung bằng tiếng Việt. Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt được áp dụng.***	song ngữ trong Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Căn cứ theo khoản 2 Điều 5 Thông tư 96/2020/TT-BTC, đã được sửa đổi bởi khoản 1 Điều 4 Thông tư 68/2024/TT-BTC
38	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đảm bảo theo quy định của pháp luật từng thời kỳ. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tập đoàn không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. […] 6. Chưa quy định	2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: ***Số lượng*** ~~*Tổng số*~~ thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành ~~phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.~~ ***và*** số lượng thành viên ***độc lập*** Hội đồng quản trị ~~độc lập~~ phải đảm bảo ~~theo~~ ***tuân thủ*** quy định của pháp luật từng thời kỳ. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tập đoàn không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. […] ***6. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.***	Đối với khoản 2: Sửa đổi để phù hợp với các quy định tại Khoản 79 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP, Khoản 4 Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Đối với khoản 6: Bổ sung theo quy định tại Khoản 78 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP.

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
39	Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	2. […] Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: […] r. Quyết định đầu tư, hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản của Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét gần nhất; t. Quyết định cho thuê, cầm cố, thế chấp, các biện pháp bảo đảm khác, bảo lãnh, thanh lý tài sản có giá trị nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét gần nhất; […] ff. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng.	r. Quyết định ***hoạt động*** đầu tư, ***chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư của Tập đoàn tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc bán số tài sản trong trường hợp có giá trị từ 50% vốn chủ sở hữu của Tập đoàn hoặc từ 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu trở xuống. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất*** ~~hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản của Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét gần nhất~~; t. Quyết định cho thuê, ***cho vay,*** cầm cố, thế chấp, các biện pháp bảo đảm khác, bảo lãnh, thanh lý tài sản ***có giá trị từ 50% vốn chủ sở hữu của Tập đoàn hoặc từ 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu trở xuống. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất*** ~~**có giá trị nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét gần nhất.**~~ ***Hoạt động cho vay, bảo lãnh của Tập đoàn đảm bảo tuân thủ theo nguyên tắc được quy định tại Khoản 4 Điều 40 và Khoản 4 Điều 42 Điều lệ này.*** […] ff. Việc mua lại ~~hoặc thu hồi~~ không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12)	Đối với khoản r, t: Chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của Bộ Tài chính, phù hợp Điều 19, Điều 27 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại Doanh nghiệp. Đối với khoản ff: Bổ sung để làm rõ quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị trong vấn đề này.

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
			tháng. ***Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;***	
40	Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác trong năm tài chính. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác trong năm tài chính. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12 /2020 ***và Khoản 82 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025*** của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	Bổ sung tham chiếu để phù hợp quy định pháp luật hiện hành.
41	Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu một (01) Chủ tịch Hội đồng quản trị và có thể có thể bầu ra một (01) hoặc nhiều hơn một (01) Phó Chủ tịch (nếu thấy cần thiết).	1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu một (01) Chủ tịch Hội đồng quản trị và có thể có thể bầu ra một (01) hoặc nhiều hơn một (01) Phó Chủ tịch (nếu thấy cần thiết). ***Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.***	Bổ sung phù hợp quy định tại Khoản 2 Điều 156 Luật Doanh nghiệp 2020.
42	Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận: a. Ban kiểm soát;	Sửa đổi để đảm bảo phù hợp với thực tế và quy định tại Khoản 3b Điều 157 Luật doanh nghiệp

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
		a. Ban kiểm soát; b. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người điều hành doanh nghiệp; c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị; d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị; e. Các trường hợp khác (nếu có) theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	b. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người ***quản lý khác~~điều hành doanh nghiệp~~***; c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị; d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị; e. Các trường hợp khác (nếu có) theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	
43	Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	Chưa quy định	***3. Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của Người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Tập đoàn, Người đại diện phần vốn nhà nước theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.***	Bổ sung theo Khoản 83 Điều 1 Nghị định 245/2025.
44	Điều 37. Kiểm soát viên	3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số…	3. ~~Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số…~~	Bỏ theo yêu cầu của Bộ Tài chính.
45	Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung	4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Tập đoàn không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác không	4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Tập đoàn không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác không phải là cổ đông và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các đối tượng này. Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh	Bổ sung tham chiếu để đảm bảo phù hợp với các nội dung được bổ sung tại Điều lệ.

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
	đột về quyền lợi	phải là cổ đông và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các đối tượng này. Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành của Tập đoàn mà Tập đoàn và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Khoản 5 Điều này.	cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành của Tập đoàn mà Tập đoàn và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Khoản 5 Điều này ***và Khoản 4 Điều 42 Điều lệ này***.	
46	Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	5. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Tập đoàn với người có liên quan sau đây: (i) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ; (ii) Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ; (iii) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Tập đoàn phải kê khai theo quy định tại khoản 2	5. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Tập đoàn với người có liên quan sau đây: (i) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ; (ii) Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ; (iii) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Tập đoàn phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp. Cụ thể: a. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch ~~**có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng mười phần trăm (10%)**~~ ***(hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên) có giá trị từ 50% vốn chủ sở hữu của Tập đoàn hoặc***	Đối với khoản a: Chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của Bộ Tài chính phù hợp quy định tại Khoản 84 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP và Điều 27.2.đ Luật số 68/2025/QH15; Khoản 2 Điều 26 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP. Đối với khoản c: Nội dung này

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
		Điều 164 của Luật doanh nghiệp. Cụ thể: a. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán/soát xét. [...] c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Tập đoàn vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tập đoàn hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.	***từ 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu trở xuống. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất*** ~~**tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán/soát xét.**~~ [...] ~~c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Tập đoàn vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.~~ ~~Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tập đoàn hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.~~	được quy định theo Điều lệ mẫu được ban hành kèm theo Thông tư 95/2017/TT-BTC. Hiện thông tư này đã bị thay thế bởi TT 116/2020/TT-BTC và đã lược bỏ nội dung này.

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
47	Chương XI. MỘT SỐ QUY ĐỊNH ÁP DỤNG CHO DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC Điều 42. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành dành cho doanh nghiệp nhà nước.	Chưa quy định	***XI. MỘT SỐ QUY ĐỊNH ÁP DỤNG CHO DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC*** ***Điều 42. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành dành cho doanh nghiệp nhà nước.*** ***Tập đoàn Bảo Việt là doanh nghiệp nhà nước, do đó Tập đoàn cần tuân thủ các quy định liên quan đến quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định tại Luật quản lý vốn nhà nước và các văn bản khác có liên quan bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:*** ***1. Người đại diện phần vốn nhà nước phải tuân thủ các quy định có liên quan đến việc báo cáo xin ý kiến Bộ Tài chính trước khi tham gia biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt.*** ***2. Tập đoàn Bảo Việt thực hiện quản lý vốn đầu tư của Tập đoàn tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn thông qua người đại diện phần vốn của Tập đoàn theo quy định của pháp luật hiện hành, quy định nội bộ của Tập đoàn và Điều lệ của các doanh nghiệp có liên quan.*** ***3. Việc đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, vốn đầu tư của Tập đoàn thực hiện theo các quy định tại Luật quản lý vốn nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan*** ***4. Hoạt động cho vay, bảo lãnh của Tập đoàn chỉ được thực hiện đối với công ty con do Tập đoàn sở hữu trên 50% vốn điều lệ và áp dụng theo nguyên tắc sau:***	Bổ sung theo quy định tại Điều 27, 54, 55 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại Doanh nghiệp và các Nghị định hướng dẫn thi hành.

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
			- Tổng giá trị các khoản bảo lãnh cho công ty con vay vốn tại các tổ chức tín dụng không vượt quá giá trị góp vốn thực tế của Tập đoàn tại công ty con tại thời điểm bảo lãnh. Việc bảo lãnh vay vốn để thực hiện dự án đầu tư phải trên cơ sở thẩm định hiệu quả của dự án đầu tư và phải có cam kết trả nợ đúng hạn đối với khoản vay được bảo lãnh; *- Tổng giá trị các khoản cho công ty con vay với từng công ty con không vượt quá giá trị góp vốn thực tế của Tập đoàn tại công ty con tại thời điểm cho vay. Trường hợp vượt quá mức quy định tại khoản này thì Tập đoàn báo cáo Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt trước khi trình Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị Tập đoàn phê duyệt;* *- Tổng giá trị các khoản bảo lãnh cho công ty con vay vốn tại các tổ chức tín dụng và khoản cho công ty con vay không vượt quá giá trị vốn góp của Tập đoàn tại Công ty con;* *- Tuân thủ các quy định tại luật quản lý vốn nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.* *5. Báo cáo Bộ Tài chính về tình hình hoạt động kinh doanh của Tập đoàn theo quy định của Luật quản lý vốn nhà nước, bao gồm các nội dung sau:* *- Chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tập đoàn.* *- Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.*	

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
			- Kết quả thực hiện kế hoạch hàng quý gồm các dự án đầu tư, tiến độ thực hiện các dự án đầu tư của Tập đoàn. ***- Báo cáo tình hình quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.*** ***- Các vấn đề phát sinh tác động đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn.*** ***- Kết quả giám sát nội bộ.*** ***- Các nội dung báo cáo Bộ Tài chính khác theo quy định tại Điều này và quy định pháp luật.*** ***6. Tập đoàn phải thực hiện công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.***	
48	Điều 44. Tổ chức Đảng, đoàn thể	1. Đảng ủy Tập đoàn là cấp ủy trực thuộc, chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương	1. Đảng ủy Tập đoàn là cấp ủy trực thuộc, chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của ~~Khối Doanh nghiệp Trung ương~~***Bộ Tài chính.***	Sửa đổi để phù hợp với thực tế.
49	Điều 45. Phân phối lợi nhuận	2. Trường hợp pháp luật không có quy định khác, phương án chia cổ tức, lợi nhuận sau thuế hàng năm được phân phối theo thứ tự như sau: a. Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có); b. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định.	2. Trường hợp pháp luật không có quy định khác, phương án chia cổ tức, lợi nhuận sau thuế hàng năm được phân phối theo thứ tự như sau: 2.1. Chia lãi cho các thành viên~~bên~~ góp vốn ~~liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết~~ ***theo hợp đồng hợp tác kinh doanh*** (nếu có); 2.2. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định;	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với quy định tại Điều 25 Điều 29, Điều 31 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP. Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại Doanh nghiệp và thực tế tại Tập đoàn.

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
		c. Trích không quá 35% vào quỹ đầu tư phát triển của Tập đoàn. d. Trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động trong Tập đoàn, quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước. e. Lợi nhuận còn lại thực hiện chia hết cổ tức, lợi nhuận bằng tiền cho các cổ đông. Đối với khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền cho phần vốn nhà nước góp trong Tập đoàn thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.	2.3. Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi xử lý các nội dung quy định tại khoản 2.1, 2.2 Điều này được phân phối theo nguyên tắc: a. Trích ~~tối đa 35%~~ ***không quá 50%*** vào quỹ đầu tư phát triển của Tập đoàn ***để sử dụng vào mục đích mở rộng sản xuất, kinh doanh, bổ sung vốn điều lệ. Mức trích lập cụ thể Quỹ đầu tư phát triển hằng năm được xác định trên cơ sở nhu cầu vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp theo chiến lược phát triển hoặc kế hoạch kinh doanh hằng năm của doanh nghiệp đã được phê duyệt.*** b. ~~**Trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động trong Tập đoàn, quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước**~~ ***Trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi theo quy định tại Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn của Chính phủ.*** c. Lợi nhuận còn lại thực hiện chia hết cổ tức~~, lợi nhuận~~ bằng tiền cho các cổ đông ***trừ trường hợp chia cổ tức bằng cổ phiếu***. ~~Đối với khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền cho phần vốn nhà nước góp trong Tập đoàn thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.~~ ***Phần lợi nhuận, cổ tức được chia bằng tiền tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp do Nhà nước nắm giữ tại Tập đoàn được nộp vào ngân sách nhà nước.***	

STT	Điều, Khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
			Tập đoàn được chia cổ tức bằng cổ phiếu, sử dụng phần lợi nhuận sau thuế được chia tương ứng với tỷ lệ vốn do nhà nước nắm giữ tại Tập đoàn trong trường hợp cần bổ sung vốn để đầu tư dự án. ***Việc chia cổ tức bằng cổ phiếu, sử dụng lợi nhuận sau thuế được chia tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp do Nhà nước nắm giữ tại Tập đoàn để bổ sung vốn nhà nước tại Tập đoàn thực hiện theo quy định của Chính phủ.***	

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

(Sửa đổi, bổ sung lần thứ mười sáu)

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU 5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ 5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ 5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TẬP ĐOÀN 7
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tập đoàn 7
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn 7
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA 8
TẬP ĐOÀN 8
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tập đoàn 8
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tập đoàn 12
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP 13
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 13
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu 14
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác 15
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần 15
Điều 10. Thu hồi cổ phần 15
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT 16
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát 16
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 16
Điều 12. Quyền của cổ đông 16
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông 18
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông 19
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 21
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền dự họp 23
Điều 17. Thay đổi các quyền 23
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 24
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 26

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 26
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 29
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 31
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 32
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 33
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 33
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 34
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 34
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 37
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị 38
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị 39
Điều 31. Các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị 43
Điều 32. Người phụ trách quản trị Tập đoàn 43
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC 44
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý 44
Điều 34. Người điều hành Tập đoàn 44
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc 45
IX. BAN KIỂM SOÁT 46
Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên 46
Điều 37. Kiểm soát viên 47
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát; cuộc họp Ban kiểm soát; thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát 47
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN,TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC 49
Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng 49
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 49
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 51
XI. MỘT SỐ QUY ĐỊNH ÁP DỤNG CHO DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC 52
Điều 42. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành dành cho doanh nghiệp nhà nước. 52

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TẬP ĐOÀN 53
Điều 43. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ 53
XII. TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ 54
Điều 44. Tổ chức Đảng, đoàn thể 54
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 55
Điều 45. Phân phối lợi nhuận 55
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN, 57
NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN 57
Điều 46. Tài khoản ngân hàng 57
Điều 47. Năm tài chính 57
Điều 48. Chế độ kế toán 57
Điều 49. Quỹ đầu tư phát triển và các quỹ khác 57
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP VÀ 58
TRÁCH NHIỆM CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP 58
Điều 51. Báo cáo thường niên 58
XVI. KIỂM TOÁN TẬP ĐOÀN 58
Điều 52. Kiểm toán 58
XVII. DẤU VÀ CHỨNG TỪ ĐIỆN TỬ 59
Điều 53. Dấu và chứng từ điện tử 59
XVIII. GIẢI THỂ VÀ THANH LÝ 59
Điều 54. Giải thể 59
Điều 55. Thanh lý 59
XIX. THÔNG BÁO VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 60
Điều 56. Thông báo 60
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ 60
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ 61
Điều 58. Điều lệ Tập đoàn 61
XXI. NGÀY HIỆU LỰC 61
Điều 59. Ngày hiệu lực 61

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tập đoàn Bảo Việt ngày tháng năm (sau đây gọi tắt là "**Điều lệ**").

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "**Vốn điều lệ**" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. "**Vốn có quyền biểu quyết**" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. "**Luật Doanh nghiệp**" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và các luật sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này (nếu có), bao gồm Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành, quy định chi tiết của Luật Doanh nghiệp;

d. "**Luật Chứng khoán**" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và các luật sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này (nếu có), bao gồm Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành, quy định chi tiết của Luật Chứng khoán;

e. **"Luật quản lý vốn nhà nước"** là Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 14/6/2025 và các luật sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này (nếu có), bao gồm Luật quản lý vốn nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành, quy định chi tiết của Luật quản lý vốn nhà nước;

f. "**Ngày thành lập**" là ngày Tập đoàn được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

g. "**Người quản lý doanh nghiệp**" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của Tập đoàn;

h. "**Người điều hành doanh nghiệp**" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Tập đoàn và các chức danh điều hành khác do Hội đồng quản trị Tập đoàn bổ nhiệm;

i. "**Người có liên quan**" là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Tập đoàn Bảo Việt trong các trường hợp được quy định tại khoản 23

Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

j. "**Người đại diện phần vốn nhà nước**" là cá nhân được Bộ Tài chính ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại Tập đoàn.

k. "**Cổ đông**" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tập đoàn;

l. "**Cổ đông sáng lập**" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Tập đoàn;

m. "**Cổ đông lớn**" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

n. "**Thời hạn hoạt động**" là thời gian hoạt động của Tập đoàn được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn thông qua bằng nghị quyết;

o. "**Việt Nam**" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

p. "**Tập đoàn**" là Tập đoàn Bảo Việt, công ty mẹ của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt, có tư cách pháp nhân, được thành lập và hoạt động theo Điều lệ và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Phòng Đăng ký Kinh doanh và Tài chính Doanh nghiệp – Sở Tài chính) Thành phố Hà Nội cấp.

q. "**Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt**" là nhóm công ty có mối quan hệ với nhau thông qua sở hữu cổ phần, phần vốn góp hoặc liên kết khác, bao gồm có công ty mẹ, công ty con và các công ty thành viên khác.

r. "**Công ty con**" là bất kỳ công ty nào mà trong đó Tập đoàn: (i) sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành, hoặc (ii) có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng Thành viên/Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của công ty đó, hoặc (iii) có quy ền quyết định việc sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty đó.

s. "**Công ty liên kết**" là doanh nghiệp mà Tập đoàn nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua Công ty con từ 20% đến dưới 50% tổng vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của doanh nghiệp đó mà không có thỏa thuận khác và doanh nghiệp đó không phải là công ty con của Tập đoàn.

t. "**Sở giao dịch chứng khoán**" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TẬP ĐOÀN

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tập đoàn

1. Tên Tập đoàn

- Tên Tập đoàn viết bằng tiếng Việt: TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT
- Tên Tập đoàn viết bằng tiếng Anh: BAOVIET HOLDINGS
- Tên Tập đoàn viết tắt: TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

2. Tập đoàn là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Tập đoàn là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 8, phố Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại:(84.24) 39289999/(84.24) 39289898
- Fax:(84.24)39289609/(84.24) 39289610
- E-mail: service@baoviet.com.vn
- Website:www.baoviet.com.vn

4. Tập đoàn có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tập đoàn phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Tập đoàn bắt đầu từ Ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn

Tập đoàn có 01 người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn là cá nhân đại diện cho Tập đoàn thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Tập đoàn, đại diện cho Tập đoàn với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước trọng tài, tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tập đoàn

1. Ngành, nghề kinh doanh của Tập đoàn như sau:

STT	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh
1	6499	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội và hoạt động quỹ hưu trí) Chi tiết: - Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết, kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật;
2	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Hoạt động kinh doanh bất động sản (trừ việc đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng); (Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có trách nhiệm thực hiện hoạt động kinh doanh theo đúng các quy định trong điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia)
3	6219	Lập trình máy tính khác Chi tiết: - Hoạt động thiết kế cấu trúc và nội dung; viết, sửa (bao gồm các bản cập nhật và bản vá lỗi phần mềm), tùy chỉnh, thử nghiệm và hỗ trợ mã hóa máy tính cần thiết để tạo và triển khai: phần mềm hệ thống; phần mềm kinh doanh, phần mềm tài chính và ứng dụng phần mềm khác (trừ ứng dụng trò chơi điện tử); ứng dụng máy học; ứng dụng trí tuệ nhân tạo/thị giác máy; ứng dụng an ninh mạng; ứng dụng sổ cái phân tán; cơ sở dữ liệu; các trang web.
4	6220	Tư vấn máy vi tính và quản lý cơ sở hạ tầng máy tính
5	6310	Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các hoạt động liên quan (Trừ hoạt động báo chí)
6	6290	Hoạt động dịch vụ máy tính và công nghệ thông tin khác Chi tiết: - Khắc phục các sự cố máy tính và cài đặt máy tính cá nhân, cài đặt phần mềm.

STT	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh
		- Hoạt động công nghiệp công nghệ số;
7	9510	Sửa chữa, bảo dưỡng máy tính và thiết bị thông tin và truyền thông
8	1820	Sao chép bản ghi các loại
9	8569	Hoạt động hỗ trợ giáo dục khác Chi tiết: - Tư vấn giáo dục; - Hoạt động đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục; - Hoạt động đánh giá việc kiểm tra giáo dục; - Hoạt động khảo thí trong giáo dục; - Tổ chức các chương trình trao đổi học sinh; - Phát triển chương trình giảng dạy; - Hoạt động chuyên môn và phục hồi năng lực đánh giá khả năng học tập; - Kinh doanh dịch vụ tư vấn du học.
10	8559	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho học sinh yếu kém; - Các khóa học về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Các khóa học về chăm sóc sức khỏe; - Các khóa học may vá; - Các khóa học về thư giãn; - Các khóa học về cuộc sống gia đình, ví dụ như khóa học về cha mẹ và con cái,.. - Các khóa đào tạo về các sản phẩm bảo vệ thực vật; - Dạy máy tính. - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Đào tạo về sự sống;

STT	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh
11	5829	Xuất bản phần mềm khác Chi tiết: - Xuất bản phần mềm hệ thống - Xuất bản phần mềm ứng dụng - Xuất bản phần mềm khác chưa được phân vào đâu: Xuất bản các phần mềm khác như: phần mềm bảo mật máy tính, phần mềm an ninh mạng, phần mềm tạo mô hình hóa... (Trừ hoạt động xuất bản phẩm)
12	6622	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm (không bao gồm bảo hiểm y tế) Chi tiết: Hoạt động của các đại lý và môi giới (trung gian bảo hiểm) bảo hiểm trong việc bán, thương lượng hoặc tư vấn về chính sách bảo hiểm.
13	8110	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp
14	6190	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Cung cấp các ứng dụng viễn thông chuyên dụng như theo dõi hoạt động vệ tinh, đo xa và các trạm rada; - Điều hành các trạm đầu cuối vệ tinh và các trạm liên hợp nối với một hoặc nhiều hệ thống thông tin mặt đất và khả năng truyền/nhận viễn thông từ hệ thống vệ tinh; - Cung cấp dịch vụ thoại qua giao thức internet (VOIP); - Cung cấp dịch vụ gửi tin nhắn văn bản (SMS), gửi tin nhắn văn bản kết hợp hình ảnh, âm thanh, gửi tin nhắn đa phương tiện (SMS+, MMS+), cung cấp dịch vụ tin nhắn "push" mà không sử dụng mạng viễn thông để truyền dữ liệu. - Cung cấp dịch vụ thông báo (ví dụ như: dịch vụ thông báo của ngân hàng, tin nhắn quảng cáo...). - Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng;
15	7020	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác
16	7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả

STT	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh
		máy vi tính) không kèm người điều khiển
17	6390	Hoạt động cổng tìm kiếm web và các dịch vụ thông tin khác Chi tiết: - Hoạt động cổng tìm kiếm web; - Dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hoặc trên cơ sở phí; - Biên soạn thông tin hoặc danh bạ qua hợp đồng hoặc trên cơ sở phí. (Trừ hoạt động báo chí)
18	6829	Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn, dịch vụ quản lý bất động sản; - Dịch vụ quản lý vận hành tòa nhà chung cư.
19	4651	Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
20	6110	Hoạt động viễn thông có dây, không dây và vệ tinh Chi tiết: - Vận hành, duy trì hoặc cung cấp quyền truy cập vào cơ sở hạ tầng để truyền tải giọng nói, dữ liệu, ký tự, âm thanh, hình ảnh thông qua hệ thống viễn thông có dây, không dây hoặc vệ tinh, bao gồm: + Vận hành và bảo trì các thiết bị chuyển mạch và truyền dẫn cung cấp liên lạc điểm - đến - điểm thông qua đường dây cố định (dây đồng hoặc cáp quang), vi ba hoặc kết hợp giữa đường dây cố định và liên kết vệ tinh; + Vận hành hệ thống phân phối cáp (ví dụ: phân phối dữ liệu và tín hiệu truyền hình), có thể bao gồm hoặc không bao gồm việc cung cấp dịch vụ video theo yêu cầu từ bên thứ ba cho khách hàng; + Cung cấp dịch vụ truy cập internet bởi đơn vị vận hành cơ sở hạ tầng viễn thông; + Bảo trì và vận hành mạng viễn thông di động và không dây khác, bao gồm cả hệ thống nhắn tin báo gọi (paging

STT	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề kinh doanh
		systems); + Hoạt động truyền phát âm thanh, hình ảnh hoặc các chương trình gốc nhận được từ mạng cáp, đài truyền hình hoặc hệ thống đài phát thanh trong nước tới các hộ gia đình qua hệ thống vệ tinh hoặc qua truyền hình giao thức internet. Các đơn vị được phân loại ở đây thường không sản xuất nội dung chương trình; + Cung cấp dịch vụ thoại qua giao thức internet (VOIP) bằng mạng viễn thông. - Hệ thống truyền dẫn thực hiện các hoạt động viễn thông có thể sử dụng một hoặc nhiều công nghệ kết hợp. - Kinh doanh dịch vụ viễn thông; - Kinh doanh hàng hóa viễn thông
21	6120	Hoạt động bán lại dịch vụ viễn thông và dịch vụ trung gian cho hoạt động viễn thông Chi tiết: - Hoạt động bán lại dịch vụ viễn thông; - Dịch vụ trung gian cho hoạt động viễn thông; - Đại lý dịch vụ viễn thông;
22	7211	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên
23	8230	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: - Việc tổ chức, xúc tiến và/hoặc quản lý các sự kiện như triển lãm và hội chợ thương mại, sự kiện doanh nghiệp, triển lãm chung hoặc chuyên ngành, hội nghị và hội thảo, thảo luận chuyên đề, họp chuyên đề, hội thảo chuyên đề, chợ nông sản và hội chợ thủ công mỹ nghệ, lễ hội...

2. Mục tiêu hoạt động của Tập đoàn là sử dụng vốn, tài sản, bộ máy quản lý, kỹ năng, lực lượng lao động và khả năng của các cổ đông để tăng tối đa lợi nhuận của Tập đoàn, tăng giá trị cổ phần cho cổ đông và tái đầu tư để duy trì và phát triển Tập đoàn.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tập đoàn

1. Tập đoàn được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng

thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tập đoàn.

2. Tập đoàn có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn Điều lệ của Tập đoàn là bảy nghìn bốn trăm hai mươi ba tỷ, hai trăm hai mươi bảy triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn (7.423.227.640.000) Việt Nam Đồng.

Tổng số Vốn điều lệ của Tập đoàn được chia thành bảy trăm bốn mươi hai triệu ba trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm sáu mươi tư (742.322.764) cổ phần với mệnh giá của mỗi cổ phần là mười nghìn Việt Nam Đồng (10.000 VNĐ/Cổ phần).

2. Tập đoàn có thể thay đổi Vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Tập đoàn vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ có cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Tập đoàn có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tập đoàn, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Các cổ đông được quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác. Số cổ phần cổ đông và người nhận chuyển nhượng quyền ưu tiên mua không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tập đoàn quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với các điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

7. Số cổ phần được quyền chào bán của Tập đoàn là tổng số cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định chào bán để huy động vốn tại từng thời điểm và được ghi nhận trong các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền. Giá bán cổ phần được chào bán không

được thấp hơn giá thị trường vào thời điểm chào bán hoặc giá trị ghi sổ mới nhất của cổ phiếu, ngoại trừ các trường hợp sau:

a. Cổ phần chào bán cho tất cả các cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần họ hiện đang nắm giữ;

b. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, tỷ lệ chiết khấu hoặc số chiết khấu phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông; hoặc

c. Cổ phần chào bán cho nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn;

d. Các trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

8. Tập đoàn có thể mua cổ phần do chính Tập đoàn đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Tập đoàn mua được xử lý theo những cách thức phù hợp với Luật Chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

9. Tập đoàn có thể phát hành các loại chứng khoán khác phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp Tập đoàn phát hành trái phiếu có khả năng chuyển đổi thành cổ phần thì các trái phiếu này phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Tập đoàn tại thời điểm phát hành, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Tập đoàn được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu trong trường hợp cổ đông chưa thực hiện lưu ký cổ phần tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Tập đoàn phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Tập đoàn. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp. Liên quan tới cổ phần ưu đãi, ngoài các quy định nêu trên, thì chứng nhận cổ phiếu còn phải nêu rõ các hình thức ưu đãi của cổ phần đó và/hoặc các nội dung khác theo quy định của Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tập đoàn hoặc trong thời hạn (60) ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tập đoàn, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tập đoàn chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Tập đoàn.

5. Trường hợp có bất kỳ thay đổi nào liên quan tới bất kỳ cổ đông nào mà dẫn tới hoặc có thể dẫn tới việc phải điều chỉnh các nội dung trong sổ đăng ký cổ đông, thì cổ đông đó phải có trách nhiệm thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và/hoặc công ty chứng khoán nơi cổ đông lưu ký để Tập đoàn/công ty chứng khoán tiến hành việc sửa đổi thông tin của cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông.

Tập đoàn sẽ không chịu trách nhiệm đối với trường hợp Tập đoàn không thể liên lạc và/hoặc không thể gửi thư, tài liệu cho cổ đông do địa chỉ của cổ đông không có, không chính xác hoặc không đầy đủ cho mục đích liên lạc và/hoặc gửi thư đó. Việc không thể liên lạc hoặc gửi thư, gửi tài liệu đó sẽ không ảnh hưởng đến các thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, lấy ý kiến cổ đông, gửi tài liệu cho cổ đông và hiệu lực của các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Tập đoàn (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tập đoàn.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn liên quan đến đợt phát hành và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Tập đoàn.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông

báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tập đoàn bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;

2. Hội đồng quản trị;

3. Ban kiểm soát;

4. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tập đoàn trong phạm vi số vốn đã góp vào Tập đoàn.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Tập đoàn, pháp luật quy định;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc liên quan đến cổ đông đó và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;

f. Tiếp cận thông tin liên quan đến cổ đông đó trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tập đoàn, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Tập đoàn giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tập đoàn sau khi Tập đoàn đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với Nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Tập đoàn theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Tập đoàn mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp và khoản 18 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

b. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tập đoàn khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tập đoàn; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tập đoàn.

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử

người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tương ứng tại Điều 25, Điều 36 Điều lệ này và theo quy định như sau:

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

5. Việc cử, chỉ định, thay đổi người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức và các nội dung liên quan khác được thực hiện theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Luật Doanh nghiệp. Tổ chức là cổ đông của Tập đoàn sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tập đoàn được cử người đại diện theo ủy quyền với số lượng không hạn chế.

6. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật và của Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tập đoàn dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tập đoàn hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tập đoàn phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tập đoàn trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ Tập đoàn và các quy chế nội bộ của Tập đoàn; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

4. Chấp hành Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử (với điều kiện cổ đông đã trực tiếp đăng ký số fax, địa chỉ thư điện tử trước đó với Tập đoàn).

6. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tập đoàn dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Tập đoàn.

9. Bảo mật các thông tin được Tập đoàn cung cấp theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tập đoàn cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

10. Các nghĩa vụ khác đối với các loại cổ phần khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tập đoàn. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tập đoàn có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tập đoàn phải mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tập đoàn.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tập đoàn;

b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán/soát xét phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất từ một nửa (1/2) trở lên so với số đầu kỳ;

c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với tổng số thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Người điều hành doanh nghiệp khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 170 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày theo quy định tại khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản 3 Điều này (ngoại trừ trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với tổng số thành viên Hội đồng quản trị theo quy đinh tại Điều lệ Tập đoàn thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tập đoàn

hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;

b. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

c. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tập đoàn, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;

c. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn.

e. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tập đoàn.

g. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.

h. Vấn đề khác thuộc thẩm quyền

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

a. Định hướng phát triển của Tập đoàn, bao gồm: ngành, nghề kinh doanh, mục tiêu, nhiệm vụ;

b. Thông qua báo cáo tài chính năm;

c. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên từng nhiệm kỳ;

e. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Tập đoàn, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

f. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;

g. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;

h. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tập đoàn;

i. Quyết định việc huy động vốn dưới các hình thức làm thay đổi số lượng cổ phần của Tập đoàn; loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

j. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tập đoàn;

k. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý), yêu cầu phá sản Tập đoàn và chỉ định người thanh lý;

l. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Tập đoàn và cổ đông;

m. Quyết định hoạt động đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư của Tập đoàn tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc bán số tài sản trong trường hợp có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu của Tập đoàn hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất;

n. Quyết định cho thuê, cho vay, cầm cố, thế chấp, các biện pháp bảo đảm khác, bảo lãnh, thanh lý tài sản có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu của Tập đoàn hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất. Hoạt động cho vay, bảo lãnh của Tập đoàn đảm bảo tuân thủ theo nguyên tắc được quy định tại Khoản 4 Điều 40 và Khoản 4 Điều 42 Điều lệ này;

o. Quyết định phương án huy động vốn dưới các hình thức không làm thay đổi số lượng cổ phần của Tập đoàn có mức huy động bằng hoặc lớn hơn 10% giá trị tổng tài sản của Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét gần nhất;

p. Quyết định việc bồi thường, xử lý các tài sản bị tổn thất có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét gần nhất;

q. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r. Tập đoàn ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán/soát xét;

s. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

u. Hàng năm, phê duyệt tỷ lệ trích lập Quỹ đầu tư và phát triển của Tập đoàn Bảo Việt căn cứ trên đề xuất của Hội đồng Quản trị; Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị phê duyệt kế hoạch, phương án sử dụng Quỹ đầu tư và phát triển hàng năm;

v. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc Người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của Người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền dự họp

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tập đoàn).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tập đoàn nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% tổng số phiếu

biểu quyết tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 20 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tập đoàn không bị thay đổi khi Tập đoàn phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn và công bố thông tin theo quy định của pháp Luật Chứng khoán hiện hành. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tập đoàn ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung quy định tại khoản 4 Điều này;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 18 Điều lệ này.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tập đoàn phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ

đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến trình bình thường của cuộc họp, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Tập đoàn tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

13. Họp bằng công nghệ

a. Các công nghệ sau có thể được sử dụng để tổ chức một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: (i) Video; (ii) Điện thoại; (iii) Công nghệ khác cho phép mỗi cổ đông giao tiếp với từng cổ đông khác; hoặc (iv) Kết hợp các công nghệ này.

b. Trường hợp tất cả các cổ đông không cùng dự họp tại một địa điểm trong một cuộc họp sử dụng công nghệ và mỗi cổ đông có thể giao tiếp với các cổ đông khác thì các cổ đông tham gia được xem là tập hợp cùng nhau tại một cuộc họp và trực tiếp có mặt tại cuộc họp đó, và mọi tiến trình của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo cách đó là hợp pháp và có hiệu lực như được tiến hành tại một cuộc họp mà tất cả các cổ đông thực tế có mặt tại cùng một địa điểm.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến các vấn đề sau đây chỉ được thông qua khi có từ 85% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành: (i) Sửa đổi và bổ sung Điều lệ, (ii) Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, (iii) Việc sáp nhập, tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, (iv) Quyết định hoạt động đầu tư, chuyển

nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư của Tập đoàn tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc bán số tài sản trong trường hợp có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu của Tập đoàn hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất, (v) Tăng hoặc giảm Vốn điều lệ.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 12 Điều 20 của Điều lệ này, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tập đoàn.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Tập đoàn phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị của Tập đoàn.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Tập đoàn theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tập đoàn phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử (với điều kiện số fax, địa chỉ thư điện tử của cổ đông đã được Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp cho Tập đoàn tại Danh sách cổ đông có liên quan; trong trường hợp cổ đông chưa đăng ký số fax, địa chỉ thư điện tử với Trung tâm Chứng khoán Việt Nam thì phải trực tiếp đăng ký số fax, địa chỉ thư điện tử của mình với Tập đoàn trước khi thực hiện biểu quyết theo quy định tại điểm này): Phiếu lấy ý kiến gửi về Tập đoàn qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Tập đoàn nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là Người điều hành doanh nghiệp/Người quản lý doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Tập đoàn có trang

thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn.

9. Trừ trường hợp quy định tại khoản 10 Điều 22 của Điều lệ này, nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

10. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây nếu được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 85% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: (i) Sửa đổi và bổ sung Điều lệ, (ii) Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, (iii) Việc sáp nhập, tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, (iv) Quyết định hoạt động đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư của Tập đoàn tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc bán số tài sản trong trường hợp có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu của Tập đoàn hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất, (v) Tăng hoặc giảm Vốn điều lệ.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành,

không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trên biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp và Nghị quyết được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Nội dung bằng tiếng Anh phải bảo đảm thống nhất với nội dung bằng tiếng Việt. Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

6. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị

hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ học vấn;

c. Trình độ chuyên môn;

d. Quá trình công tác;

e. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị tại công ty khác);

f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tập đoàn, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Tập đoàn;

g. Các lợi ích có liên quan tới Tập đoàn (nếu có);

h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; trên 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử thêm ứng cử viên theo cơ chế được

Tập đoàn quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có từ bảy (07) đến mười một (11) thành viên (hoặc một số lượng khác phù hợp với pháp luật tại từng thời điểm), số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định thông qua theo quy định tại Điều lệ này. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành và số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật từng thời kỳ. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tập đoàn không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp và trong các trường hợp sau:

a. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

b. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Tập đoàn với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

d. Thành viên Hội đồng quản trị đương nhiên bị mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị khi không còn là người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp và có thể không phải là cổ đông của Tập đoàn.

6. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Tập đoàn phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ

quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tập đoàn và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm của Tập đoàn; điều chỉnh, thay đổi kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tập đoàn khi xét thấy cần thiết để phù hợp với thực tế hoạt động; quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; Bổ nhiệm và miễn nhiệm, bãi nhiệm Người điều hành doanh nghiệp theo đề nghị của Tổng Giám đốc và quyết định mức lương của họ;

d. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác;

e. Giải quyết các khiếu nại của Tập đoàn đối với Người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tập đoàn để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người điều hành doanh nghiệp đó;

f. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tập đoàn và/hoặc phân cấp, giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc quyết định;

g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Tập đoàn;

h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị Tập đoàn sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua để bảo vệ cổ đông;

i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

j. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi thành cổ phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;

p. Thực hiện hoặc phân cấp thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn tại các doanh nghiệp do Tập đoàn nắm giữ vốn góp, cổ phần;

q. Cử hoặc phân cấp cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở doanh nghiệp khác, quyết định số tiền thù lao và lợi ích khác của những người đó trên cơ sở đảm phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định nội bộ của Tập đoàn;

r. Quyết định hoạt động đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư của Tập đoàn tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc bán số tài sản trong trường hợp có giá trị từ 50% vốn chủ sở hữu của Tập đoàn hoặc từ 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu trở xuống. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất;

s. Ban hành các định mức chi phí và các định mức khác cho Ban kiểm soát, bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị và cho hội đồng thành viên, kiểm soát viên của các Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ;

t. Quyết định cho thuê, cho vay, cầm cố, thế chấp, các biện pháp bảo đảm khác, bảo lãnh, thanh lý tài sản có giá trị từ 50% vốn chủ sở hữu của Tập đoàn hoặc từ 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu trở xuống. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất. Hoạt động cho vay, bảo lãnh của Tập đoàn đảm bảo tuân thủ theo nguyên tắc được quy định tại Khoản 4 Điều 40 và Khoản 4 Điều 42 Điều lệ này.

u. Quyết định phương án huy động vốn dưới các hình thức không làm thay đổi số lượng cổ phần của Tập đoàn (bao gồm việc phát hành trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền) mà có mức huy động nhỏ hơn 10% giá trị tổng tài sản của Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét gần nhất;

v. Quyết định việc bồi thường, xử lý các tài sản bị tổn thất có giá trị nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tập đoàn được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét gần nhất;

x. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Tập đoàn;

y. Thành lập các công ty con của Tập đoàn;

aa. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Tập đoàn;

bb. Phân cấp quản lý cán bộ (bao gồm các chức danh cán bộ tại Tập đoàn và tại các doanh nghiệp do Tập đoàn sở hữu cổ phần, phần vốn góp);

cc. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

dd. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

ee. Việc định giá tài sản góp vào Tập đoàn không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tập đoàn, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

ff. Việc mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

gg. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Tập đoàn;

hh. Các vấn đề khác mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

w. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, quy định của Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị của Tập đoàn.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác trong năm tài chính. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12 /2020 và Khoản 82 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Trừ khi luật pháp quy định khác, Hội đồng quản trị có thể giao, phân cấp hoặc uỷ quyền cho Tổng Giám đốc và những Người điều hành doanh nghiệp khác đại diện ký kết tài liệu và tổ chức thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền quyết định, phê chuẩn của Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ này. Việc giao, phân cấp hoặc ủy quyền của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc và những Người điều hành doanh nghiệp khác được quy định cụ thể tại văn bản nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt do Hội đồng quảm trị ban hành, phù hợp với Điều lệ Tập đoàn và tuân thủ quy định của Pháp Luật liên quan.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa

thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật và Điều lệ Tập đoàn phải được báo cáo tại Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các ủy ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định mức thù lao bổ sung và lợi ích khác cho thành viên Hội đồng quản trị trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định của Tập đoàn.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các ủy ban của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tập đoàn mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu một (01) Chủ tịch Hội đồng quản trị và có thể có thể bầu ra một (01) hoặc nhiều hơn một (01) Phó Chủ tịch (nếu thấy cần thiết). Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ trong phạm vi được Chủ tịch phân công, ủy quyền. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm

nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định pháp luật hiện hành, thực hiện các công việc cần thiết để Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Tập đoàn, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày có đơn từ chức hoặc quyết định bãi nhiệm.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

a. Ban kiểm soát;

b. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người quản lý khác;

c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

e. Các trường hợp khác (nếu có) theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tập đoàn;

những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tập đoàn, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Tập đoàn.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Tập đoàn hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tập đoàn.

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền). Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là

địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tập đoàn. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết thì phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tập đoàn và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Tập đoàn, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và không tán thành ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp. Việc lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản) để thông qua các nghị quyết của Hội đồng quản trị bất kỳ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tập đoàn; Đối với các nội dung Chủ tịch Hội đồng quản trị không được biểu quyết theo quy định tại điểm b Khoản 11 Điều này, người chủ trì lấy ý kiến sẽ được chỉ định theo các nguyên tắc tương tự tại Khoản 2 Điều 29 Điều lệ này.

b. Chủ tịch Hội đồng quản trị/người chủ trì lấy ý kiến phải chuẩn bị thư lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị. Thư lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị phải có các nội dung chủ yếu sau: (i) các vấn đề/nội dung cần lấy ý kiến, (ii) phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến, (iii) thời hạn gửi về Tập đoàn phiếu lấy ý kiến đã được trả lời và (iv) họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị/người chủ trì lấy ý kiến và họ tên, phần ký của thành viên Hội đồng quản trị được lấy ý kiến. Sau khi nhận được thư lấy ý kiến, trong thời hạn ghi trên thư lấy ý kiến, thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi ý kiến bằng văn bản của mình đến Tập đoàn bằng các hình thức sau: (i) gửi trực tiếp cho Người phụ trách quản trị Tập đoàn/Hội đồng quản trị (bao gồm cả gửi qua đường bưu điện); hoặc (ii) gửi qua thư điện tử/fax hoặc phương thức giao dịch điện tử hợp pháp khác cho Người phụ trách quản trị Tập đoàn/Hội đồng quản trị (mà hình thức/phương thức giao dịch đó đã được đăng ký trước với Tập đoàn).

c. Chủ tịch Hội đồng quản trị/người chủ trì lấy ý kiến tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của đại diện Ban kiểm soát nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị thấy cần thiết và Ban kiểm soát chấp thuận và ngược lại. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung sau: (i) các vấn đề cần lấy ý kiến, (ii) tổng số thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, (iii) tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, (iv) các nghị quyết đã được thông qua, và (v) họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và đại diện của Ban kiểm soát (nếu đại diện Ban kiểm soát chứng kiến việc kiểm phiếu).

d. Trường hợp số phiếu tán thành và không tán thành ngang nhau thì ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị/người chủ trì lấy ý kiến sẽ là ý kiến quyết định.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt. Trong trường hợp cần thiết, biên bản cuộc họp sẽ được lập hoặc/và dịch sang tiếng nước ngoài. Trường hợp có sự khác nhau giữa biên bản bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn.

Điều 31. Các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Các ủy ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể thành lập các uỷ ban trực thuộc để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị. Thành viên của ủy ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, các ủy ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các ủy ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của ủy ban nhưng: (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của ủy ban và (b) nghị quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền của các ủy ban đó chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của ủy ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên ủy ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tập đoàn. Hội đồng quản trị quyết định chi phí hoạt động hàng năm của các ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị từ nguồn chi phí hoạt động hàng năm của Tập đoàn.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Tập đoàn

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm "Người phụ trách quản trị Tập đoàn" để hỗ trợ hoạt động quản trị Tập đoàn được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tập đoàn do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Tập đoàn phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tập đoàn;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tập đoàn khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Tập đoàn tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị Tập đoàn có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tập đoàn và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tập đoàn.

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Tập đoàn phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tập đoàn. Tập đoàn có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Khối, Trưởng Ban/Chánh Văn phòng/Giám đốc Trung tâm/Giám đốc Chi nhánh (và tương đương) và các chức danh khác.

Điều 34. Người điều hành Tập đoàn

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tập đoàn được tuyển dụng Người điều hành doanh nghiệp khác với số

lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tập đoàn do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Tập đoàn đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những Người điều hành doanh nghiệp khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Tập đoàn.

2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

3. Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của Người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Tập đoàn, Người đại diện phần vốn nhà nước theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Xây dựng và đệ trình kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tập đoàn trình Hội đồng quản trị; Tổ chức, thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh của Tập đoàn đã được Hội đồng quản trị hoặc/và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hay Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Tập đoàn ký kết các hợp đồng kinh tế, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Tập đoàn theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị số lượng và các loại chức danh Người điều hành doanh nghiệp, cán bộ quản lý khác mà Tập đoàn cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo yêu cầu của Hội đồng quản trị; tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Người điều hành doanh nghiệp, cán bộ quản lý khác;

d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e. Chuẩn bị các bản kế hoạch chiến lược dài hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tập đoàn. Kế hoạch kinh doanh hàng năm phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tập đoàn. Chậm nhất vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình kế hoạch kinh doanh sơ bộ cho năm tài chính tiếp theo lên Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị xem xét phê chuẩn, thực hiện tạm giao kế hoạch kinh doanh cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách cũng như phù hợp với kế hoạch, chiến lược tài chính năm (05) năm và phù hợp với dự báo thị trường năm kế hoạch.

f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tập đoàn;

g. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Tập đoàn, các quyết định của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật.

5. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ này. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; trên 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Tập đoàn và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Tập đoàn là từ ba (03) đến (05) người. Số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định thông qua theo quy định tại Điều lệ này. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tập đoàn;

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tập đoàn trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Điều 174 Luật Doanh nghiệp.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát; cuộc họp Ban kiểm soát; thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tập đoàn;

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính Tập đoàn, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tập đoàn của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong

vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Xây dựng quy chế hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

f. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định tại Điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

g. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Tập đoàn theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị Tập đoàn phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các lợi ích khác bổ sung (nếu có) cho Kiểm soát viên chuyên trách trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định của Tập đoàn. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tập đoàn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh

nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tập đoàn.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN,TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tập đoàn (kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các ủy ban của Hội đồng quản trị).

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tập đoàn vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng hoặc tiết lộ những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp, Người quản lý doanh nghiệp khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tập đoàn, công ty con, công ty do Tập đoàn nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tập đoàn phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp Luật Chứng khoán về công bố thông tin.

Trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, khi Hội đồng quản trị được thông báo về các hợp đồng liên quan, các hợp đồng đó có thể tiếp tục nếu được đa số các thành viên khác của Hội đồng quản trị đồng ý. Tuy nhiên, các thành viên của Hội đồng quản trị sẽ cần phải đảm bảo rằng bất kỳ xung đột lợi ích nào cũng sẽ được điều hòa một cách thích hợp. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản

trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Tập đoàn mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Tập đoàn không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác không phải là cổ đông và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các đối tượng này. Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành của Tập đoàn mà Tập đoàn và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Khoản 5 Điều này và Khoản 4 Điều 42 Điều lệ này.

5. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Tập đoàn với người có liên quan sau đây: (i) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ; (ii) Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ; (iii) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Tập đoàn phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp. Cụ thể:

a. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch (hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên) có giá trị từ 50% vốn chủ sở hữu của Tập đoàn hoặc từ 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu trở xuống. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Tập đoàn ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

b. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều này. Người đại diện Tập đoàn ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong

hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết. c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Tập đoàn vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên,Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tập đoàn hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Tập đoàn bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tập đoàn là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác, nhân viên hoặc là đại diện được Tập đoàn ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Tập đoàn với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Tập đoàn với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Tập đoàn, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Tập đoàn, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Người điều hành doanh nghiệp khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Tập đoàn được Tập đoàn bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Tập đoàn là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Tập đoàn;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp

cho phép. Tập đoàn có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. MỘT SỐ QUY ĐỊNH ÁP DỤNG CHO DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Điều 42. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành dành cho doanh nghiệp nhà nước.

Tập đoàn Bảo Việt là doanh nghiệp nhà nước, do đó Tập đoàn cần tuân thủ các quy định liên quan đến quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định tại Luật quản lý vốn nhà nước và các văn bản khác có liên quan, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:

1. Người đại diện phần vốn nhà nước phải tuân thủ các quy định có liên quan đến việc báo cáo xin ý kiến Bộ Tài chính trước khi tham gia biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt.

2. Tập đoàn Bảo Việt thực hiện quản lý vốn đầu tư của Tập đoàn tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn thông qua người đại diện phần vốn của Tập đoàn theo quy định của pháp luật hiện hành, quy định nội bộ của Tập đoàn và Điều lệ của các doanh nghiệp có liên quan.

3. Việc đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, vốn đầu tư của Tập đoàn thực hiện theo các quy định tại Luật quản lý vốn nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4. Hoạt động cho vay, bảo lãnh của Tập đoàn chỉ được thực hiện đối với công ty con do Tập đoàn sở hữu trên 50% vốn điều lệ và áp dụng theo nguyên tắc sau:

- Tổng giá trị các khoản bảo lãnh cho công ty con vay vốn tại các tổ chức tín dụng không vượt quá giá trị góp vốn thực tế của Tập đoàn tại công ty con tại thời điểm bảo lãnh. Việc bảo lãnh vay vốn để thực hiện dự án đầu tư phải trên cơ sở thẩm định hiệu quả của dự án đầu tư và phải có cam kết trả nợ đúng hạn đối với khoản vay được bảo lãnh;

- Tổng giá trị các khoản cho công ty con vay với từng công ty con không vượt quá giá trị góp vốn thực tế của Tập đoàn tại công ty con tại thời điểm cho vay. Trường hợp vượt quá mức quy định tại khoản này thì Tập đoàn báo cáo Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt trước khi trình Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị Tập đoàn phê duyệt;

- Tổng giá trị các khoản bảo lãnh cho công ty con vay vốn tại các tổ chức tín dụng và khoản cho công ty con vay không vượt quá giá trị vốn góp thực tế của Tập đoàn tại Công ty con tại mọi thời điểm;

- Tuân thủ các quy định tại Luật Quản lý vốn nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

5. Báo cáo Bộ Tài chính về tình hình hoạt động kinh doanh của Tập đoàn theo quy định của Luật quản lý vốn nhà nước, bao gồm các nội dung sau:

- Chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tập đoàn.

- Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

- Kết quả thực hiện kế hoạch hàng quý gồm các dự án đầu tư, tiến độ thực hiện các dự án đầu tư của Tập đoàn.

- Báo cáo tình hình quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp

- Các vấn đề phát sinh tác động đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn.

- Kết quả giám sát nội bộ.

- Các nội dung báo cáo Bộ Tài chính khác theo quy định tại Điều này và quy định pháp luật.

6. Tập đoàn phải thực hiện công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

XII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TẬP ĐOÀN

Điều 43. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông đó trong danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Tập đoàn. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Tập đoàn, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Tập đoàn vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Tập đoàn phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

4. Điều lệ Tập đoàn phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn.

XIII. TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ

Điều 44. Tổ chức Đảng, đoàn thể

Tổ chức Đảng, đoàn thể của Tập đoàn Bảo Việt gồm Đảng ủy Tập đoàn, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội cựu chiến binh, Hội phụ nữ và các tổ chức đoàn thể khác được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật.

1. Đảng ủy Tập đoàn là cấp ủy trực thuộc, chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy Bộ Tài chính. Đảng ủy Tập đoàn có chức năng chỉ đạo, lãnh đạo toàn diện việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của Tập đoàn Bảo Việt và thực hiện nhiệm vụ chính trị nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động, đảm bảo sự hài hòa lợi ích giữa người lao động và Tập đoàn.

Đảng ủy tạo sự đoàn kết, đồng thuận trong doanh nghiệp để Hội đồng quản trị, Ban Lãnh đạo Tập đoàn thực hiện trách nhiệm, quyền hạn được giao. Hội đồng quản trị, Ban Lãnh đạo Tập đoàn có trách nhiệm bảo đảm và tạo điều kiện thuận lợi để Đảng ủy thực hiện công tác Đảng trong Tập đoàn theo quy định của Hiến Pháp, Pháp luật và Điều lệ Đảng.

Đảng ủy, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc giữ quan hệ phối hợp chặt chẽ theo các quy định về phối hợp công tác giữa Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn. Trên cơ sở phân cấp quản lý cán bộ của Đảng ủy và quy định của Tập đoàn, khi thực hiện công tác cán bộ chủ chốt của Tập đoàn, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có văn bản gửi Đảng ủy xin ý kiến về nội dung dự kiến thực hiện. Căn cứ ý kiến bằng văn bản của Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc quyết định về công tác cán bộ chủ chốt theo các quy định của Tập đoàn. Thông qua các cấp uỷ Đảng bộ, Chi bộ trực thuộc lãnh đạo cán bộ, đảng viên triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định, hướng dẫn của Đảng góp phần hoàn thành chiến lược, mục tiêu, nhiệm vụ kinh doanh của Tập đoàn và các đơn vị trực thuộc.

Đảng uỷ, Ban Thường vụ Đảng ủy Tập đoàn lãnh đạo, chỉ đạo Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh và các tổ chức đoàn thể khác thuộc Tập đoàn thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đoàn thể đó đồng thời triển khai, thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ đạo của Đảng uỷ, Ban Thường vụ Đảng ủy Tập đoàn.

2. Công đoàn là tổ chức chính trị - xã hội của người lao động Tập đoàn, chịu sự lãnh đạo của Đảng ủy Tập đoàn. Công đoàn đại diện cho người lao động, cùng với đoàn thể khác trong Tập đoàn chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; tham gia thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban Lãnh đạo Tập đoàn; tuyên truyền, vận động người lao động học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, chấp hành pháp luật, chủ trương, chính sách của Đảng, của Nhà nước, hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh doanh, xây dựng Tập đoàn ngày càng phát triển vững mạnh.

3. Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh là tổ chức chính trị - xã hội của thanh niên Việt Nam gồm những người lao động của Tập đoàn là những thanh niên tiên tiến, phấn đấu vì mục tiêu, lý tưởng của Đảng và độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy Tập đoàn, Đoàn thanh niên thực hiện chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng cho đoàn viên, thanh niên. Đoàn thanh niên có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Ban Lãnh đạo Tập đoàn để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Đoàn, góp phần xây dựng tổ chức Đoàn Thanh niên ngày càng phát triển vững mạnh tại Tập đoàn Bảo Việt.

4. Hội Cựu chiến binh Tập đoàn là tổ chức xã hội - chính trị của các cựu chiến binh thuộc các lực lượng vũ trang và bán vũ trang qua các thời kỳ, là người lao động đã và đang làm việc tại Tập đoàn. Hội phụ nữ Tập đoàn là tổ chức, chính trị - xã hội của người lao động nữ tại Tập đoàn. Hội Cựu chiến binh và Hội phụ nữ Tập đoàn dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy Tập đoàn có nhiệm vụ tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, làm cầu nối giữa người cựu chiến binh, người lao động nữ với Người quản lý doanh nghiệp, góp phần xây dựng khối đoàn kết trong Tập đoàn Bảo Việt. Hội Cựu chiến binh, Hội phụ nữ có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Người quản lý doanh nghiệp để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội, góp phần xây dựng tổ chức Hội ngày càng phát triển vững mạnh tại Tập đoàn Bảo Việt.

5. Ngoài ra, người lao động Tập đoàn có thể thành lập các tổ chức chính trị - xã hội khác trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ của Tập đoàn và Điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức chính trị, xã hội hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

XIV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tập đoàn.

2. Trường hợp pháp luật không có quy định khác, phương án chia cổ tức, lợi nhuận sau thuế hàng năm được phân phối theo thứ tự như sau:

2.1. Chia lãi cho các thành viên góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (nếu có);

2.2. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định;

2.3. Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi xử lý các nội dung quy định tại khoản 2.1, 2.2 Điều này được phân phối theo nguyên tắc:

a. Trích không quá 50% vào quỹ đầu tư phát triển của Tập đoàn để sử dụng vào mục đích mở rộng sản xuất, kinh doanh, bổ sung vốn điều lệ. Mức trích lập cụ thể Quỹ đầu tư phát triển hằng năm được xác định trên cơ sở nhu

cầu vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp theo chiến lược phát triển hoặc kế hoạch kinh doanh hằng năm của doanh nghiệp đã được phê duyệt.

b. Trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi theo quy định tại Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn của Chính phủ.

c. Lợi nhuận còn lại thực hiện chia hết cổ tức bằng tiền cho các cổ đông trừ trường hợp chia cổ tức bằng cổ phiếu. Phần lợi nhuận, cổ tức được chia bằng tiền tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp do Nhà nước nắm giữ tại Tập đoàn được nộp vào ngân sách nhà nước.

Tập đoàn được chia cổ tức bằng cổ phiếu, sử dụng phần lợi nhuận sau thuế được chia tương ứng với tỷ lệ vốn do nhà nước nắm giữ tại Tập đoàn trong trường hợp cần bổ sung vốn để đầu tư dự án.

Việc chia cổ tức bằng cổ phiếu, sử dụng lợi nhuận sau thuế được chia tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp do Nhà nước nắm giữ tại Tập đoàn để bổ sung vốn nhà nước tại Tập đoàn thực hiện theo quy định của Chính phủ.

3. Tập đoàn không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền, Tập đoàn phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tập đoàn đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tập đoàn không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tập đoàn đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, cổ đông được quyền nhận cổ tức phù hợp với quy định của Pháp luật, Điều lệ này.

6. Việc trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế và các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Tập đoàn mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tập đoàn có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Tập đoàn tiến hành các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tập đoàn mở tài khoản theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Tập đoàn sử dụng chế độ kế toán phù hợp với các quy định pháp luật.

2. Tập đoàn lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tập đoàn.

3. Tập đoàn sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận). Trường hợp Tập đoàn có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

4. Trong trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận và tuân thủ quy định pháp luật có liên quan, Tập đoàn có thể chuyển đổi báo cáo tài chính hàng năm theo chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Điều 49. Quỹ đầu tư phát triển và các quỹ khác

Việc trích và sử dụng quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và các quỹ khác (nếu có) tuân thủ theo quy định của pháp luật có liên quan.

XVI. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Định kỳ, Tập đoàn phải lập bản báo cáo tài chính hàng quý, bán niên và hàng năm theo quy định của pháp luật.

2. Báo cáo tài chính phải bao gồm báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn (gồm có: báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, bảng cân đối kế toán, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính) phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Tập đoàn trong kỳ kinh doanh đó.

3. Tập đoàn phải lập và công bố, nộp cho các cơ quan quản lý Nhà nước các báo cáo giữa niên độ, bán niên và cả năm theo các quy định của Pháp luật.

4. Các báo cáo tài chính quý, bán niên và cả năm của Tập đoàn phải được kiểm toán hoặc soát xét theo quy định của pháp luật. Các báo cáo tài chính trước và sau kiểm toán hoặc soát xét phải được công bố trên website của Tập đoàn đầy đủ và kịp thời theo đúng quy định.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Tập đoàn phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVII. KIỂM TOÁN TẬP ĐOÀN

Điều 52. Kiểm toán

1. Ban kiểm soát đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tập đoàn. Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Tập đoàn cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận tại hợp đồng với công ty kiểm toán được lựa chọn. Tập đoàn phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Báo cáo tài chính của Tập đoàn phải được soát xét, kiểm toán theo quy định pháp luật.

3. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tập đoàn có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tập đoàn phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tập đoàn dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và

đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tập đoàn.

XVIII. DẤU VÀ CHỨNG TỪ ĐIỆN TỬ

Điều 53. Dấu và chứng từ điện tử

1. Hội đồng quản trị quyết định số lượng, hình thức, nội dung và mẫu dấu, việc quản lý và sử dụng dấu phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu và/hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Hội đồng quản trị quyết định việc Tập đoàn sử dụng chứng từ điện tử, chữ ký số, chữ ký điện tử trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

XIX. GIẢI THỂ VÀ THANH LÝ

Điều 54. Giải thể

1. Tập đoàn có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Tập đoàn trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng sau khi có quyết định giải thể Tập đoàn, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Tập đoàn hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tập đoàn ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tập đoàn.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về Ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý

thay mặt Tập đoàn trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tập đoàn trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c. Nợ thuế;

d. Các khoản nợ khác của Tập đoàn;

e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XX. THÔNG BÁO VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Thông báo

Bất kỳ thông báo nào theo Điều lệ này sẽ được lập bằng văn bản bằng tiếng Việt, trường hợp cần thiết sẽ được lập thêm bằng tiếng Anh và phải được gửi tới địa chỉ của người nhận theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Tập đoàn, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Tập đoàn, các quy định giữa:

a. Cổ đông với Tập đoàn;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay Người điều hành doanh nghiệp khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án có thẩm quyền.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ Tập đoàn

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tập đoàn chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tập đoàn.

XXII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương 59 Điều được Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn Bảo Việt thông qua ngày ... tháng .... năm 2026 tại Hà Nội.

2. Điều lệ được lập thành (05) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. Một (01) bản nộp Bộ Tài Chính;

b. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tập đoàn.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tập đoàn có giá trị khi có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn.

Q. TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Phi

Phụ lục 01: Danh sách cổ đông sáng lập và các thông tin liên quan

(Đính kèm bản Điều lệ của Tập đoàn Bảo Việt sửa đổi bổ sung lần thứ mười sáu)

Cổ đông	Địa chỉ	Số Cổ phần	Tổng mệnh giá Cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ nắm giữ
Bộ Tài chính Việt Nam	Số 28, Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.	482.509.800	4.825.098.000.000	65,00%
HSBC Insurance (Asia-Pacific) Holdings Limited	18/F, Tower 1, HSBC Centre, 1 Sham Mong Road, Kowloon, Hong Kong S.A.R.	0	0	0
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	Tầng 23, Tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	22.154.400	221.544.000.000	2,98%